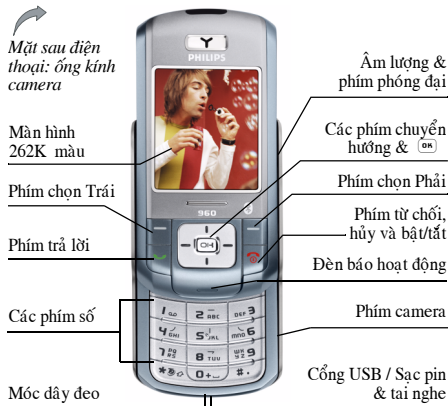


## Khám phá điện thoại của bạn






*Philips không ngừng nỗ lực trong việc cải tiến các sản phẩm của mình. Vì vậy, Philips có quyền hiệu đính nội dung tài liệu hướng dẫn sử dụng này hoặc thu hồi nó bất cứ lúc nào mà không cần thông báo trước. Philips cung cấp tài liệu này*

*“theo hiện trạng” và ngoại trừ trường hợp được yêu cầu bởi các điều luật liên quan, Philips sẽ không chịu trách nhiệm pháp lý đối với bất kỳ lỗi, thiếu sót hoặc sự khác biệt nào giữa tài liệu này và sản phẩm được mô tả. Thiết bị này được thiết kế để kết nối với mạng GSM/GPRS.*



## Cách thức để...

<b>Bật/Tắt điện thoại</b>	Bấm & giữ
<b>Nhập mã PIN của bạn.</b>	Nhập mã PIN của bạn bằng bàn phím và bấm phím  hoặc  để xác nhận.
<b>Khóa bàn phím</b>	Bấm giữ  (bàn phím sẽ tự động mở khi nhận cuộc gọi). Bàn phím sẽ bị khóa khi con trượt đóng lại.
<b>Mở bàn phím</b>	Bấm ; điện thoại sẽ hỏi bạn "Mở Bàn phím?". Bấm <b>Yes</b> để xác nhận hoặc <b>No</b> để hủy thao tác mở khóa.

<b>Thực hiện cuộc gọi</b>	Nhập số điện thoại trên bàn phím và bấm phím  để quay số.
<b>Kết thúc cuộc gọi</b>	Bấm  .
<b>Trả lời cuộc gọi</b>	Bấm  khi điện thoại đổ chuông.
<b>Tắt âm cuộc gọi</b>	Bấm  <i>Silence</i> trong khi cuộc gọi đến đổ chuông.
<b>Từ chối cuộc gọi</b>	Bấm  khi điện thoại đổ chuông.
<b>Cài đặt đàm thoại âm lượng</b>	Bấm các phím phụ âm lượng để chỉnh âm lượng trong khi gọi.
<b>Cài âm lượng chuông</b>	Khi điện thoại ở chế độ chờ, bấm các phím phụ âm lượng để chỉnh âm lượng chuông cho cuộc gọi đến.
<b>Truy nhập <i>Quick call</i></b>	Bấm  ở chế độ chờ.













<b>Truy nhập <i>Contacts</i></b>	Bấm  ở chế độ chờ.
<b>Truy nhập <i>My Files</i></b>	Bấm  khi ở chế độ chờ.
<b>Truy nhập <i>New SMS edit</i></b>	Bấm  khi ở chế độ chờ.
<b>Truy nhập <i>Call list</i></b>	Bấm  ở chế độ chờ.
<b>Truy nhập <i>Main Menu</i></b>	Bấm phím  ở chế độ chờ.
<b>Trở về menu trước</b>	Bấm  .
<b>Trở về nhanh chế độ chờ khi duyệt tìm các menu</b>	Bấm nhanh  .
<b>Dùng Phím tắt</b>	Khi ở chế độ chờ, bấm  <i>Shortcuts</i> để thay đổi chức năng được cài trên Phím tắt. hoặc Phím tắt.

## Phím chọn

Các phím chọn trái và phải (  và  ) trên bàn phím cho phép bạn chọn các tùy chọn tương ứng hiển thị trên màn hình ngay phía trên các phím này, kể cả khi đang thực hiện các cuộc gọi. Các phím này tùy thuộc vào ngữ cảnh: Chúng thay đổi theo ngữ cảnh hiện hành.

## Menu Chính

Menu chính cho phép bạn truy nhập tất cả các chức năng khác nhau của Điện thoại di động Philips 960 được hiển thị theo hình khung lưới. Bảng dưới đây cho thấy sự sắp xếp của *Main Menu* ý nghĩa của nhiều biểu tượng được tìm thấy ở đó, và trang số tay nơi mà có thể tìm thấy nhiều thông tin chi tiết hơn liên quan đến chủ đề này.

<i>Entertainment</i>  trang 17	<i>Browser</i>  trang 19	<i>Music</i>  trang 23
<i>Camera</i>  trang 25	<i>Messages</i>  trang 29	<i>My Files</i>  trang 40
<i>Tools</i>  trang 42	<i>Contacts</i>  trang 46	<i>Profiles</i>  trang 50
<i>Connectivity</i>  trang 51	<i>Calls</i>  trang 55	<i>Settings</i>  trang 58

Bấm **OK** để truy nhập menu chính ở chế độ chờ, sau đó sử dụng các phím chuyển hướng ▲, ▼, ◀, hoặc ▶ để duyệt tìm các biểu tượng và danh sách, hoặc bấm các phím từ 0-9, \* hoặc # để truy nhập trực tiếp vào tùy chọn hoặc chức năng mong muốn (sự sắp xếp phím cũng áp dụng cho các danh sách). Khi di chuyển trong một danh sách, thanh cuộn nằm ở cạnh bên phải màn hình cho biết vị trí của bạn trong danh sách. Trong các danh sách, bấm **Select** hoặc **OK** để truy nhập các tùy chọn liên quan đến mục chọn, bấm **Back** để trở về mức một.

## Cách sử dụng sổ tay này

Sổ tay này cố gắng trình bày những thông tin liên quan đến điện thoại di động của bạn một cách rõ ràng và đầy đủ nhất. Nội dung của sổ tay này được thiết kế như sau:

**Khám phá điện thoại của bạn** Phần hiện hành. Trình bày tổng quan về điện thoại di động của bạn và các thông tin về các tính năng thông dụng nhất.

**Chương 1:  
Hướng dẫn  
ban đầu**

Thông tin về cách cài đặt điện thoại di động của bạn cho lần đầu tiên: Lắp đặt thẻ SIM, pin và v.v...

**Chương 2:  
Thực hiện  
cuộc gọi**

Thông tin về cách thực hiện và nhận các cuộc gọi.

**Chương 3:  
Nhập văn  
bản**

Thông tin về cách nhập văn bản bằng bàn phím số.

**Các  
chương  
4-15**

Các chương này bao gồm đồng thời mỗi phần của menu chính.

**Các phần  
khác**

Các phần bao gồm: Ký hiệu & Biểu tượng, Cách phòng tránh, Cách xử lý sự cố, Phụ kiện chính hãng Philips và cuối cùng là Chính sách bảo hành hạn chế.

# Mục lục

1. Hướng dẫn ban đầu .....	6	Cài quảng bá WAP .....	22
Lắp thẻ SIM .....	6	6. Âm nhạc .....	23
Lắp Thẻ SD/MMC .....	7	Các bản nhạc .....	23
Bật điện thoại .....	8	Được phát gần nhất .....	23
Sạc pin .....	8	Danh sách nhạc .....	23
Sao chép nội dung trên thẻ SIM của bạn .....	9	Quản lý Thẻ SD/MMC .....	23
Cài đặt các phím nóng .....	10	7. Camera .....	25
2. Gọi .....	11	Chế độ Camera .....	25
Thực hiện cuộc gọi .....	11	Chế độ Video .....	27
3. Nhập văn bản .....	14	8. Tin nhắn .....	29
Chế độ nhập văn bản T9 .....	14	SMS .....	29
Chế độ nhập văn bản cơ bản .....	16	MMS .....	32
4. Giải trí .....	17	E-mail .....	35
Trò chơi .....	17	Tin nhắn soạn sẵn .....	37
Soạn giai điệu .....	17	Nhắn tin .....	37
Chế độ demo .....	18	Thông tin đơn vị .....	38
5. Trình duyệt .....	19	Tình trạng bộ nhớ .....	38
WAP .....	19	Cài đặt tin nhắn .....	39
Khởi động trình duyệt .....	19	9. Các Tập tin Riêng .....	40
Chỉ mục .....	20	Quản lý tập tin .....	40
Cài đặt .....	21	Bộ nhớ điện thoại .....	40
		Thẻ nhớ .....	41

10. Công cụ .....	42	Kết nối .....	54
Lịch .....	42	14. Các cuộc gọi .....	55
Báo thức .....	43	Nhật ký cuộc gọi .....	55
Các cuộc hẹn .....	43	Xóa nhật ký .....	55
Các việc cần làm .....	43	Cài đặt cuộc gọi .....	56
Ghi chú .....	44	15. Cài đặt .....	58
Ghi nhớ bằng thoại .....	44	Chung .....	58
Máy tính .....	44	Hiển thị .....	60
Bộ chuyển đổi đơn vị .....	45	Âm thanh .....	60
11. Số liên lạc .....	46	Kết nối .....	60
Xem/Tạo mới các số liên lạc .....	46	Các biểu tượng .....	61
Xem các nhóm .....	47	Các khuyến cáo .....	62
Các số đặc biệt .....	48	Giải quyết sự cố .....	67
Quick call .....	48	Phụ kiện chính hãng Philips .....	70
Nâng cao .....	49	Công bố thương hiệu .....	71
Tình trạng bộ nhớ .....	49	Chế độ bảo hành có thời hạn .....	72
12. Cấu hình .....	50		
Chọn cấu hình .....	50		
Cá nhân hóa các cài đặt .....	50		
13. Kết nối .....	51		
Hồng ngoại .....	51		
Bluetooth .....	51		
USB .....	52		
Mạng .....	53		
Thẻ bộ nhớ .....	53		

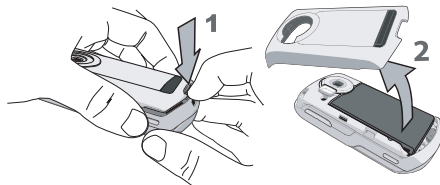
# 1. Hướng dẫn ban đầu

*Hãy đọc qua hướng dẫn an toàn ở mục “Các khuyến cáo” trước khi sử dụng (vui lòng xem trang 62).*

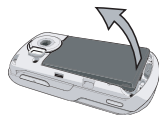
Trước khi sử dụng điện thoại, bạn phải lắp vào máy một thẻ SIM hợp lệ được cung cấp bởi nhà điều hành mạng GSM hoặc đại lý bán lẻ của bạn. Thẻ SIM chứa thông tin thuê bao, số điện thoại di động của bạn và một phần nhỏ bộ nhớ mà bạn có thể lưu trữ các số điện thoại và tin nhắn (để biết thêm thông tin, hãy xem “Số liên lạc” trang 46). Bạn cũng có thể chọn lắp thẻ SD/MMC. Thẻ này cung cấp cho bạn dung lượng bộ nhớ lớn hơn cho phép bạn lưu thêm nhạc, hình ảnh và các tập tin hình ảnh ngoài bộ nhớ có sẵn trong điện thoại.

## Lắp thẻ SIM

Ấn chốt xuống (1) và sau đó nhấc nắp của ngăn chứa pin lên (2).



Để tháo pin, ấn chốt xuống (1) và nhấc pin lên theo hướng mô tả dưới đây.



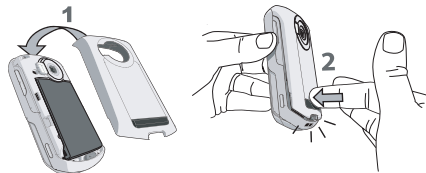
Nếu thẻ SIM được giao cho bạn với kích thước bằng thẻ tín dụng, hãy lấy thẻ SIM ra khỏi giá đỡ và lắp nó vào dưới kẹp giữa kim loại cho đến khi nó dừng hẳn. Hãy chắc chắn rằng góc kẹp của thẻ phải nằm đúng vị trí và các điểm tiếp xúc màu vàng phải quay xuống phía dưới.



Trượt pin trở lại ngăn chứa pin với các khớp nối kim loại quay xuống phía dưới cho đến khi nó dừng hẳn. Sau đó khóa pin lại bằng cách đẩy nó theo hướng đi xuống.



Đậy nắp sau của điện thoại lại bằng cách đẩy nó xuống rãnh cho đến khi nó dừng hẳn.

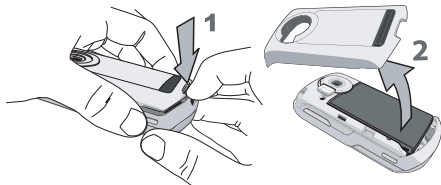


Tháo lớp màng bảo vệ màn hình và ống kính camera trước khi sử dụng điện thoại.

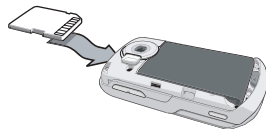
## Lắp Thẻ SD/MMC

Trước tiên hãy chắc chắn rằng điện thoại của bạn đã được tắt để tránh sự phóng tĩnh điện ngẫu nhiên

của pin làm hỏng bộ nhớ thẻ SD/MMC của bạn. Tiếp theo, ấn chốt xuống (1) và sau đó nhấc nắp của ngăn chứa pin lên (2).

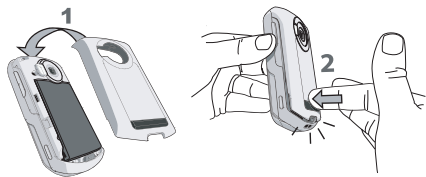


Giữ điện thoại sao cho các ống kính camera nằm ở hướng đối diện với bạn, và sau đó giữ thẻ SD/MMC với góc vát ở vị trí thấp hơn bên tay phải (1). Nếu được giữ đúng vị trí, các điểm tiếp xúc màu vàng của thẻ sẽ nằm ở hướng đối diện với bạn tính từ phần đáy của thẻ. Trượt nhẹ thẻ vào khe chứa thẻ SD/MMC ở phần trên của điện thoại (2). Ấn thẻ xuống cho đến khi thẻ khớp vào vị trí.





Đậy nắp sau của điện thoại lại bằng cách đẩy nó xuống rãnh cho đến khi nó dừng hẳn.




Lần đầu tiên bạn lắp thẻ SD/MMC vào điện thoại, thẻ sẽ được định dạng để tương thích với điện thoại. Các thư mục chứa hình ảnh, tập tin hình ảnh, âm thanh và các tập tin khác được tạo tự động. Nếu bạn đã có sẵn bất cứ dữ liệu nào trên thẻ, dữ liệu này có thể bị mất.

Để sử dụng thẻ SD/MMC như vị trí lưu trữ mặc định cho các tập tin dữ liệu của bạn, ở phần [Settings](#) cài chức năng [Defaults Storage](#) chọn [Memory Card](#). Để biết thêm thông tin về chức năng này, hãy tham khảo trang 58.)

Sau cùng, để lấy thẻ SD/MMC, ấn nhẹ phần trên thẻ vào trong khe chứa của nó. Khi thẻ bật lên, bạn có thể lấy nó ra khỏi điện thoại.

## Bật điện thoại

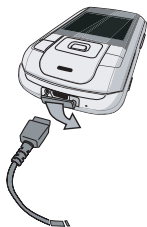
Để bật máy, bấm giữ phím . Nhập mã PIN nếu cần (chẳng hạn: mã bí mật của thẻ SIM gồm 4-8 chữ số). Mã này được cài sẵn và được cung cấp cho bạn bởi nhà điều hành mạng hoặc đại lý bán lẻ của bạn. Để biết thêm thông tin về các mã PIN, hãy xem “Security” trang 58.

*Nếu bạn nhập sai mã PIN 3 lần, thẻ SIM của bạn sẽ bị khóa. Để mở khóa thẻ, bạn phải hỏi mã PUK từ nhà điều hành mạng.*

## Sạc pin

Điện thoại của bạn sử dụng nguồn điện từ pin sạc. Pin mới sẽ được sạc một phần và một âm báo sẽ cảnh báo bạn khi pin yếu.

Một khi pin và vỏ pin được gắn vào điện thoại, bạn có thể sạc điện thoại. Kéo nắp đậy cao su bảo vệ bên ngoài đầu nối của bộ sạc (nó được gắn vào điện thoại để không bị mất). Cắm đầu nối bộ sạc như minh họa dưới đây. Sau đó cắm nó vào nguồn điện AC chính.



Biểu tượng pin sẽ cho biết tình trạng pin sạc. Trong khi sạc pin, 4 vạch pin chỉ báo cuộn lên xuống; thời gian sạc cho pin trống là 3 giờ đối với bộ sạc chuẩn. Khi bốn vạch chỉ báo đều dừng lại thì pin đã được sạc đầy. Sau đó bạn có thể ngưng kết nối bộ sạc. Tùy vào mạng và điều kiện sử dụng, thời gian trò chuyện có thể lên đến 4 giờ và thời gian chờ có thể lên đến 300 giờ.

Giữ bộ sạc cắm vào điện thoại khi pin đã được sạc đầy sẽ không làm hỏng pin. Cách duy nhất để tắt bộ sạc là rút phích cắm, vì vậy bạn nên dùng ổ cắm điện AC để sử dụng.

***Tất cả các cài đặt riêng có thể bị mất nếu bạn tháo pin ra khi điện thoại đang hoạt động.***

## Sao chép nội dung trên thẻ SIM của bạn

---



Nếu bạn chuyển thẻ SIM sang điện thoại từ một điện thoại khác, bạn có thể sao chép các nội dung của danh bạ trên thẻ SIM sang Điện thoại di động Philips 960. Để làm điều này, thực hiện như sau:

1. Từ màn hình chờ, bấm và chọn **Contacts**.
2. Để sao chép tất cả các số liên lạc, chọn **Advanced**. Sau đó chọn **Copy to phone**. Một thông báo "**Copy to phone?**" sẽ xuất hiện. Bấm  **Yes** để thực hiện hoặc  **No** để hủy bỏ.
3. Để sao chép chỉ một mục, từ màn hình chờ, bấm  và chọn **Contacts**. Sau đó chọn **View contacts**. Duyệt qua danh sách các số liên lạc để chọn một trong số nhiều mục và bấm  **Options** để chọn **Copy contact** sang điện thoại. Một thông báo sẽ xuất hiện. Bấm  **Yes** để thực hiện hoặc  **No** để hủy bỏ.


Để biết thêm thông tin về cách thức quản lý danh bạ của bạn, vui lòng xem "Số liên lạc" trang 46.

## Cài đặt các phím nóng

---

Bạn có thể định cấu hình các phím số  -  để truy nhập các chức năng yêu thích của bạn chỉ bằng việc bấm giữ phím số.

Phần lớn các phím nóng đều được cài sẵn và định trước cấu hình. Để kiểm tra các cài đặt phím nóng, chọn *Shortcuts* > *Hotkey*. Để thay đổi các cài đặt phím nóng, bấm phím số bạn muốn thay đổi và chọn *Options* > *Personalise*, sau đó chọn một chức năng để gán cho phím số từ danh sách sau đây:

*Phím số  đã được định trước cấu hình là số hộp thư Thoại mặc định và không thể được chỉnh sửa.*

---





- *Phone number*
- *Send text*
- *Calculator*
- *Homepage*
- *Calendar*
- *Shortcuts*
- *Contacts*
- *Voice recognition*
- *Quick call*
- *Messages*
- *Create*
- *Inbox*
- *Meeting*
- *My Files*
- *Camera*
- *Music*
- *[Empty]*

## 2. Gọi






Mặc dù Điện thoại di động Philips 960 của bạn cung cấp nhiều tính năng – chụp hình và quay phim, ghi âm, gửi và nhận e-mail, và nhiều tính năng khác nữa – trước tiên nó phải là một chiếc điện thoại di động. Chương này mô tả các tính năng và tùy chọn liên quan đến thực hiện và nhận các cuộc gọi.


### Thực hiện cuộc gọi

Để thực hiện cuộc gọi, bạn có thể chỉ nhập số điện thoại bằng các phím số:

Nhấn	Để
Các phím trên bàn phím	Nhập số điện thoại của người gọi cho bạn. Một màn hình soạn thảo sẽ hiển thị.
 <i>Clear</i>	Bấm nhẹ để xoá chữ số cuối hoặc bấm giữ để xoá một dòng và trở về màn hình nền.
 / 	Gọi đến số/chọn để lưu số.
	Kết thúc cuộc gọi.

Hoặc bạn có thể chọn số này từ *Contacts*:

Nhấn	Để
 / ▾	Truy cập vào <i>Contacts</i> và chọn <i>View contacts</i> để truy nhập vào danh sách / Truy nhập trực tiếp danh sách liên lạc.
▲ hoặc ▾	Chọn số liên lạc mong muốn.
 /  /  <i>Options</i>	Gọi đến số/chọn <i>Call</i> dưới menu <i>Options/View</i> thông tin chi tiết của số liên lạc.
	Kết thúc cuộc gọi.

Khi bạn chọn số liên lạc, bạn có thể bấm  *Options* để truy nhập vào các tùy chọn sau:

Các tùy chọn	Loại
<i>View</i>	Xem thông tin số liên lạc.
<i>Send message</i>	Gửi SMS đến số liên lạc.
<i>Call</i>	Gọi đến số liên lạc.
<i>Delete</i>	Xoá số liên lạc này.

<i>Default number</i>	Chọn số hiển thị mặc định: <i>Mobile</i> , <i>Home</i> hoặc <i>Work</i> .
<i>Send contact</i>	Gửi số liên lạc đến người nhận thông qua Hồng ngoại hoặc Bluetooth.
<i>Copy contact</i>	Sao chép số liên lạc vào bộ nhớ của điện thoại/SIM.
<i>Move contact</i>	Di chuyển số liên lạc vào bộ nhớ của điện thoại/SIM.
<i>Add picture</i>	Thêm hình ảnh vào số liên lạc.
<i>Select multiple</i>	Chọn để đánh dấu một/nhiều số liên lạc.

### **Menu cuộc gọi đến**

Các tùy chọn dưới menu Cuộc gọi đến thay đổi theo tình trạng Cuộc gọi đến như trò chuyện với một người nào đó trên điện thoại, chờ cuộc gọi, hoặc dưới trường hợp cuộc gọi hội nghị.

Khi bạn đang đàm thoại với một người nào đó, các tùy chọn điện thoại bao gồm:

<b>Các tùy chọn</b>	<b>Loại</b>
<i>Hold all calls</i>	Cài mọi cuộc gọi ở chế độ chờ.
<i>Mute</i>	Tắt âm cuộc gọi này.

<i>Dial number</i>	Đặt cuộc gọi mới.
<i>End call</i>	Kết thúc cuộc gọi này.

Khi có một cuộc gọi chờ (tùy thuộc vào dịch vụ thuê bao), các tùy chọn điện thoại bao gồm:

<b>Các tùy chọn</b>	<b>Loại</b>
<i>Swap</i>	Chuyển đổi giữa hai cuộc gọi.
<i>Mute</i>	Tắt âm cuộc gọi.
<i>Conference call</i>	Đặt hai cuộc gọi dưới chế độ cuộc gọi hội nghị.
<i>End all calls</i>	Kết thúc mọi cuộc gọi.
<i>End call</i>	Kết thúc cuộc gọi này.
<i>Transfer call</i>	Chuyển cuộc gọi này.

Khi điện thoại đặt dưới chế độ cuộc gọi hội nghị, các tùy chọn điện thoại bao gồm:


<b>Các tùy chọn</b>	<b>Loại</b>
<i>Hold all calls</i>	Cài mọi cuộc gọi ở chế độ chờ.
<i>Mute</i>	Tắt âm cuộc gọi này.
<i>Dial number</i>	Đặt cuộc gọi mới.
<i>End call</i>	Kết thúc cuộc gọi này.

## Split

Tách các cuộc gọi khỏi chế độ hội nghị.





### **Thực hiện cuộc gọi thứ hai**

Tính năng này tùy thuộc vào dịch vụ thuê bao. Bạn có thể thực hiện cuộc gọi thứ hai trong khi đàm thoại hoặc đang có cuộc gọi chờ:

Nhấn	Để
Các phím trên bàn phím	Nhập số điện thoại bạn muốn gọi.
	Gọi đến số trong khi đang đàm thoại. Thao tác sẽ tự động chuyển cuộc gọi đầu sang chế độ chờ.

### **Trả lời cuộc gọi thứ hai**

Khi nhận cuộc gọi thứ hai trong lúc đang đàm thoại, điện thoại của bạn sẽ đổ chuông hoặc báo rung và màn hình hiển thị thông tin về người gọi. Sau đó bạn có thể:

Nhấn	Để
 /  <i>Reject</i>	Từ chối cuộc gọi.
 /  <i>Options</i> <i>Accept</i>	Trả lời cuộc gọi trong khi chuyển cuộc gọi đầu sang chế độ chờ.

Để nhận cuộc gọi thứ hai, bạn phải tắt chức năng Chuyển các cuộc gọi thoại (xem “Call divert” trang 56) và bật chức năng Chờ cuộc gọi (xem “Call waiting” trang 56).

### **Trả lời cuộc gọi thứ ba**

Có thể nhận cuộc gọi thứ ba trong khi bạn đang đàm thoại với một người gọi nào đó và chuyển cuộc khác sang chế độ chờ. Bạn có thể kết thúc các cuộc gọi này trước khi trả lời cuộc gọi thứ ba hoặc giới thiệu người đang gọi vào cuộc gọi hội nghị (xem phần trên). Dịch vụ này giới hạn hai phiên đàm thoại hiện hành (một đang hiệu lực, một đang chờ).

### 3. Nhập văn bản

Bạn có thể soạn văn bản trong màn hình soạn thảo theo hai cách: Bằng cách sử dụng cách Nhập Văn bản Tiên đoán T9. Các thao tác sử dụng hai cách thức này đã đề cập phần trước.

Trong hai cách thức nhập văn bản này, bạn cũng có thể chọn cho mình một cách nhập. Các tùy chọn gồm:

**Abc** Mẫu tự đầu của từ đầu tiên trong câu được viết hoa, phần còn lại là viết thường. Nếu bạn chèn dấu chấm vào, từ đầu tiên của câu mới sẽ được viết hoa.



**ABC** Tất cả được viết hoa.



**abc** Tất cả được viết thường.

**123** Bằng số (Không áp dụng cho cách nhập T9).

Khi ở màn hình soạn thảo văn bản (chẳng hạn menu chính > **Messages** > **Create** > **SMS/MMS/E-mail**), một biểu tượng trên góc tay trái đã hiển thị chế độ hiện hành. Tất cả các mục nhập văn bản bao gồm các chế độ:

- T9 Abc
- ABC
- 123
- T9 ABC
- Abc
- T9 abc
- abc

Tại đây bạn có thể chọn một chế độ nhập văn bản bằng cách duyệt đến một tùy chọn bất kỳ và bấm  **Select** hoặc bấm giữ  cho phép bạn chọn ngôn ngữ T9.

Ngoài ra, bạn cũng có thể chọn bằng các phím giữ  để bật hoặc tắt T9 và bấm nhanh  để chuyển qua các tùy chọn nhập văn bản (ABC, Abc, abc, và 123).

#### Chế độ nhập văn bản T9





##### Chế độ nhập văn bản T9 là gì?



Chế độ Nhập Văn bản T9 là chế độ soạn thảo thông minh dùng để nhập văn bản trên điện thoại di động. Nó cho phép bạn nhập văn bản nhanh hơn bằng cách đoán từ bạn muốn nhập dựa vào các phím bạn đã bấm.




##### Ví dụ: cách nhập từ “home”






Cách tốt nhất để hiểu chế độ này là tham khảo qua việc dùng một ví dụ. Để nhập từ “home”, hãy thực hiện như sau:

Bấm	Để
	Hiển thị văn bản có chứa các mẫu tự “home.” Màn hình sẽ hiển thị <b>Good</b> , từ đầu tiên trong danh sách các từ có thể hiển thị.
 <b>Next</b>	Cuộn đến từ Home.
 hoặc ▶	Chèn/xác nhận từ <b>Home</b> .
	Chèn một khoảng trắng.

### Cách sử dụng?

Các Mẫu tự và biểu tượng được gán bằng mỗi phím được mô tả như sau:

- 
  - **Bấm nhanh** để nhập biểu tượng.
  - **Bấm giữ** để nhập số.
- 
  - **Bấm nhanh** để nhập mẫu tự.
  - **Bấm giữ** để nhập một số bất kỳ.
- 
  - **Bấm nhanh** để nhập một khoảng trắng.
  - **Bấm giữ** để nhập số không.
  - Khi từ T9 được bôi đậm trên màn hình, bấm nhanh để chèn từ có khoảng trắng theo sau.

- 
  - Để duyệt qua danh sách các từ gợi ý.
  - Để chọn một chức năng từ menu **Options**.
- ▶
  - Chỉ để chèn từ (không có khoảng trắng sau đó).
- 
  - Để xóa một mục nhập bất kỳ (phím lùi).
- 
  - Để thoát khỏi cửa sổ soạn thảo, dù bạn có lưu tin nhắn hay không.
- 
  - **Bấm nhanh** để hiển thị bảng dấu chấm câu và biểu tượng mà bạn có thể duyệt tìm bằng cách sử dụng phím chuyển hướng.
  - **Bấm giữ** để chọn ngôn ngữ T9.
- 
  - **Bấm nhanh** để chuyển từ chế độ chuẩn sang thường, hoa và số trong T9 hoặc chế độ cơ bản.
  - **Bấm giữ** để chuyển từ T9 sang chế độ cơ bản.

### Làm thế nào để thêm từ?

Nếu bạn không thể tìm thấy từ bạn đang tìm kiếm trong từ điển T9, bạn có thể thêm từ này vào từ điển:



Bấm	Để
<b>Options</b>	Mở menu <i>Options</i> và cuộn đến <i>Spell word</i> .
<b>Select</b>	Nhập từ trong cửa sổ hiển thị bằng cách sử dụng chế độ nhập văn bản cơ bản (như mô tả dưới đây)
<b>Save</b>	Thêm từ vào màn hình soạn thảo văn bản và từ điển T9.

## Chế độ nhập văn bản cơ bản

Nếu bạn muốn vào chế độ nhập văn bản cơ bản, bấm giữ để tắt chế độ nhập T9. Phương pháp này đòi hỏi bạn nhấn phím nhiều lần để nhập mẫu tự mong muốn.

Nhập lại từ "home" như ví dụ của chúng tôi, mẫu tự "h" là mẫu tự thứ hai trên , vì vậy bạn phải bấm phím này hai lần để nhập mẫu tự "h". Ví dụ dưới đây giải thích chi tiết hơn.

### Ví dụ: cách nhập từ "home"

Bấm	Để
	Nhập mẫu tự "H"
	Nhập mẫu tự "O"

Nhập mẫu tự "M"

Nhập mẫu tự "E"

Các mẫu tự, số và biểu tượng trên mỗi phím được mô tả trong bảng dưới đây:

Bấm nhanh	Bấm giữ
., - ? ! ' @ : ; / 1	1
a b c 2 à ä ç A B C Ä	2
d e f 3 é è D E F É	3
g h i 4 ì G H I	4
j k l 5 J K L	5
m n o 6 ö ñ ò M N O Ö Ñ	6
p q r s 7 ß P Q R S	7
t u v 8 ü ù T U V Ü	8
w x y z 9 æ ø å W X Y Z Æ Ø Å	9
khoảng trắng	0

## 4. Giải trí



Phần này mô tả các trò chơi và các công cụ bổ sung được cài đặt trong điện thoại của bạn.

*Một số chức năng mô tả ở phần này tùy thuộc vào cấu hình của điện thoại, quốc gia nơi bạn mua điện thoại và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ của bạn.*

### Trò chơi

#### Các trò chơi mặc định

Menu này gồm các trò chơi được cài sẵn trong điện thoại của bạn. Để bắt đầu chơi:

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Chọn menu chính > <i>Entertainment</i> > <i>Games</i> > <i>Default games</i>
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Mở danh sách trò chơi
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Chọn một trò chơi bất kỳ
<input type="checkbox"/> <i>Options</i>	Chọn <i>New game</i> từ menu tùy chọn
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Bắt đầu chơi

#### Các Trò chơi Java

Điện thoại của bạn có tính năng hỗ trợ JAVA cho phép bạn chạy các ứng dụng tương thích với JAVA chẳng hạn như các trò chơi được tải từ mạng. Menu này cho phép bạn tạo các thư mục mới để sắp xếp các trò chơi mà bạn tải về từ mạng thông qua WAP.

### Soạn giai điệu

Chức năng này cho phép bạn tạo các âm thanh riêng:

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Chọn menu chính > <i>Entertainment</i> > <i>Melody composer</i> . Và vào tập tin âm thanh mong muốn.
<input type="checkbox"/> <i>Options</i>	Mở menu tùy chọn
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Vào <i>Edit</i> và bắt đầu soạn giai điệu riêng của bạn.
<input type="checkbox"/> <i>Options</i>	<i>Play</i> hoặc <i>Save</i> giai điệu. Bạn có thể chọn điều chỉnh <i>Tempo</i> và <i>Instrument</i> .

## **Chế độ demo**

---

Menu này hiển thị video clip để minh họa cho các tính năng đa phương tiện của điện thoại. Menu này có sẵn ngay cả khi bạn chưa lắp thẻ SIM vào điện thoại.

## 5. Trình duyệt



Các mục trên menu Trình duyệt tùy thuộc vào loại dịch vụ mà bạn đã đăng ký và/hoặc nhà cung cấp dịch vụ bạn đang sử dụng. Do đó, một số menu được mô tả dưới đây có thể không có sẵn. Nếu điện thoại của bạn đã được cấu hình sẵn, bạn sẽ không cần thay đổi các cài đặt được mô tả ở phần này. Các dịch vụ do mạng cung cấp có thể bao gồm dịch vụ gọi điện hoặc gửi tin nhắn SMS có tính cước. Liên hệ với nhà điều hành mạng để biết thêm chi tiết.

### WAP

---

Điện thoại di động của bạn hoạt động thông qua WAP. Bằng WAP (Giao thức Ứng dụng Không dây), bạn có thể kết nối với mạng WAP và duyệt tìm các trang web đặc biệt để tải về các hình ảnh, hình nền và nhạc chuông, v.v...

*Truy cập WAP tùy thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ và dịch vụ thuê bao của bạn. Hãy liên hệ với nhà cung cấp dịch vụ mạng của bạn để có thêm thông tin cần thiết để điền vào các mục được mô tả ở đây.*

---

### Định cấu hình WAP

Trước khi có thể kết nối được với mạng WAP, trước tiên bạn phải hoàn tất hai bước sau đây:

1. Hãy định cấu hình kết nối mạng điện thoại di động của bạn. Để có thông tin về việc định cấu hình truy cập mạng, hãy xem “Cài đặt” dưới đây.
2. Hãy định cấu hình các cài đặt tin nhắn quảng bá WAP. Để có thêm thông tin, hãy xem “Cấu hình”.



### Khởi động trình duyệt

---

Trang chủ của bạn là trang WAP mà điện thoại di động của bạn được kết nối mặc định. Điện thoại của bạn có thể được định sẵn cấu hình để kết nối với trang WAP của nhà cung cấp dịch vụ mạng. Xem “Cấu hình” để biết cách cài đặt trang chủ. Để kết nối với trang chủ của bạn, chỉ cần chọn [Homepage](#).




*Bạn cũng có thể cài đặt trang chủ trực tiếp vào trình duyệt WAP của bạn. Nếu bạn đã thực hiện thao tác này, trang chủ trong trình duyệt sẽ hiển thị trước và đây chính là trang mà bạn sẽ xem khi chọn Start Browser trên menu trình duyệt.*

---



Khi bạn kết nối với trang WAP, hãy bấm hoặc  hoặc  để truy nhập vào các tính năng có sẵn trên trang web.

## Chỉ mục


Menu này cho phép bạn quản lý một danh sách của nhiều trang WAP ưa thích bằng một menu “Ưu thích” hoặc “Chỉ mục” trong trình duyệt Internet. Bằng cách này, bạn không phải nhập địa chỉ của trang web khi bạn muốn truy cập vào. Để thêm một chỉ mục/thư mục mới:

Bấm	Để
 <a href="#">Select</a>	Chọn menu chính > <a href="#">Browser</a> > <a href="#">Bookmarks</a>
 <a href="#">Options</a>	Vào menu tùy chọn.
▲ hoặc ▼	Chọn để thêm <a href="#">New Folder</a> hoặc <a href="#">New Bookmark</a> .
 <a href="#">Select</a>	Vào màn hình soạn thảo và nhập thông tin như <a href="#">Title</a> và <a href="#">Address</a> cho <a href="#">New Bookmark</a> hoặc <a href="#">Title</a> cho <a href="#">New Folder</a> .

Các tùy chọn thư mục chỉ mục

Bấm	Để
 <a href="#">Select</a>	Chọn menu chính > <a href="#">Browser</a> > <a href="#">Bookmarks</a>
▲ hoặc ▼	Chuyển hướng sang thư mục mong muốn
 <a href="#">Options</a>	Các tùy chọn dưới thư mục chỉ mục bao gồm: <ul style="list-style-type: none"><li>• <a href="#">Edit</a></li><li>• <a href="#">New Folder</a></li><li>• <a href="#">New bookmark</a></li><li>• <a href="#">Delete</a></li><li>• <a href="#">Delete all</a></li></ul>

Các tùy chọn chỉ mục

Bấm	Để
 <a href="#">Select</a>	Chọn menu chính > <a href="#">Browser</a> > <a href="#">Bookmarks</a>
▲ hoặc ▼	Chuyển hướng sang Chỉ mục mong muốn

- Options* Các tùy chọn dưới mỗi Chỉ mục bao gồm:
  - *Edit*
  - *Move*
  - *New Folder*
  - *New Bookmark*
  - *Delete*
  - *Delete all*

## Cài đặt

---

Tính năng này cho phép bạn tùy chỉnh các cài đặt theo cách mà bạn kết nối với dịch vụ WAP. Bạn có thể tạo một số cấu hình với những cài đặt khác nhau.

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Chọn menu chính > <i>Browser</i> > <i>Settings</i> > <i>WAP profiles</i> .
<input type="checkbox"/> <i>Options</i>	Truy nhập vào thông số và các chi tiết chỉnh sửa WAP.

Chỉnh sửa thông số WAP

Tùy chọn	Phần mô tả
<i>Name</i>	Đặt tên cấu hình hiện hành

*IP address* Để nhập địa chỉ IP dịch vụ WAP của bạn

*Port* Để nhập số cổng IP dịch vụ WAP của bạn. Số cổng thường là 9201.

*Homepage* Để nhập địa chỉ trang WAP mà bạn sẽ kết nối trực tiếp khi kết nối qua việc sử dụng cấu hình liên quan.

*Linger time* Khi bạn vượt qua thời gian chờ hết hiệu lực (trong vài giây), điện thoại của bạn sẽ tự động ngưng kết nối WAP.

*Connection* Để chuyển đổi giữa các cách khác nhằm kết nối dịch vụ WAP: *Auto*, *CSD* hoặc *GPRS*. Nếu mạng GPRS không có sẵn khi kết nối, một thông báo sẽ hỏi bạn có muốn thay thế kiểu kết nối CSD.

*CSD profiles* Chuyển đổi giữa các cấu hình CSD khác mà bạn đã xác định trong *Connectivity*.

## GPRS profiles

Để chuyển đổi giữa các cấu hình GPRS khác mà bạn đã xác định trong *Connectivity*.

## Cài quảng bá WAP

---

Quảng bá WAP là dịch vụ để truyền nội dung không đồng bộ đến thiết bị di động. Sử dụng menu này để bật hoặc tắt tiến trình nhận tin nhắn quảng bá trên mạng và/hoặc từ nhà cung cấp dịch vụ của bạn. Hoặc bạn có thể xác định để cho phép các trung tâm SMS từ một khu vực cụ thể gửi cho bạn các tin nhắn. Từ menu chính > *Browser* > *Settings* > *Push messages*.

Tùy chọn tin nhắn quảng bá

### Tùy chọn

### Phần mô tả

*Always accept*

Bật dịch vụ quảng bá tin nhắn cho mọi tin nhắn.

*Never accept*

Tắt dịch vụ quảng bá tin nhắn cho mọi tin nhắn.

*Only from address*

Nêu rõ một khu vực nhất định bằng cách thêm vào mã vùng của nó.


Các tin nhắn quảng bá bao gồm các kết nối URL để truy cập nhanh các dịch vụ WAP liên quan: nhấn vào tin nhắn Quảng bá WAP để kết nối với trang WAP để duyệt tìm hoặc tải về các tập tin đa phương tiện vào điện thoại của bạn.

## 6. Âm nhạc



Chức năng này cho phép bạn tải nhạc về từ mạng, lưu các tập tin âm thanh, chỉnh danh sách nhạc và phát nhạc. Điện thoại có thể hỗ trợ định dạng MP3 và AAC.

### Các bản nhạc



Chức năng này cho phép bạn phát nhạc tải về từ *Phone memory* hoặc *Memory card*. Chẳng hạn, để phát các mục ghi từ thẻ SD/MMC được lồng vào, chọn mục tùy chọn *Tracks* và trên màn hình kế tiếp chọn *Memory card*. Từ các bản nhạc được liệt kê, chọn tập tin âm nhạc mà bạn muốn phát và sau đó bấm .

### Được phát gần nhất

Chức năng này cung cấp danh sách các bản nhạc mà bạn đã phát trước đây. Danh sách các bản nhạc được xếp theo trình tự thời gian.

## Danh sách nhạc

Chức năng này cho phép bạn chỉnh sửa danh sách nhạc ưa thích. Để chỉnh danh sách nhạc của bạn:

Bấm	Để
 <i>Select</i>	Chọn menu chính > <i>Music</i> > <i>Playlists</i> > <i>&lt;New playlist&gt;</i> .
▲ / ▼	Chuyển sang danh sách nhạc ưa thích. Mở menu tùy chọn để <i>Open</i> ,
 <i>Select</i>	<i>Play</i> , <i>Delete</i> , <i>Rename</i> danh sách nhạc hoặc để biết nhiều thông tin hơn tại <i>Help</i> .

## Quản lý Thẻ SD/MMC

*Lưu ý: Trước khi sử dụng thẻ SD/MMC, hãy lồng thẻ SD/MMC mới vào điện thoại di động Philips 960 để khởi động nó và tự tạo các danh bạ sau: 960 > Music (Pictures, Video, Others). Sau đó, bạn có thể sao chép các tập tin nhạc vào danh bạ Nhạc của thẻ nhớ qua máy vi tính và trình đọc thẻ. Quy trình của các tập tin hình và video giống như các tập tin nhạc.*



Để quản lý bộ sưu tập nhạc trên thẻ SD/MMC khi bạn chọn một Mục ghi từ *Memory card*, hãy bấm Nút *Options*. Khi ở Menu *Options*:

<b>Bấm</b>	<b>Để</b>
<i>Play</i>	Phát mục ghi được chọn.
<i>Play mode</i>	Cài các tùy chọn phát cho mục ghi được chọn. Chúng bao gồm: <i>Off</i> , <i>Repeat</i> , <i>Shuffle</i> , <i>Shuffle and Repeat</i> .
<i>Add to playlist</i>	Thêm mục ghi được chọn vào danh sách nhạc cũ hoặc mới. Để tạo danh sách nhạc mới, chọn tùy chọn <i>&lt;New playlist&gt;</i> từ menu phụ.
<i>Details</i>	Hiển thị chi tiết tập tin cho mục ghi được chọn.
<i>Delete</i>	Xóa mục ghi được chọn khỏi thẻ SD/MMC. Thao tác này không thể phục hồi.

## 7. Camera



Điện thoại di động của bạn bao gồm một camera kỹ thuật số cho phép bạn chụp hình (lên đến 2 triệu điểm ảnh) và lưu chúng vào điện thoại, làm hình nền hoặc gửi cho bạn bè.

***Bảo đảm các ống kính camera phải sạch sẽ trước khi chụp hình vì những hạt bụi nhỏ có thể làm hỏng hình chụp.***

### Chế độ Camera

Tham khảo bảng dưới đây mô tả về cách thực hiện các thao tác thông dụng bằng camera.

Bấm	Để
hoặc phím phụ Camera	Chọn từ menu chính > <i>Camera</i> or Bật trực tiếp chế độ camera.

Các phím phụ + và - Phóng to/thu nhỏ (khi camera được kích hoạt)

***Thao tác phóng đại tùy thuộc vào việc cài đặt độ phân giải camera. Độ phân giải càng thấp, hệ số phóng đại càng cao.***

◀ / ▶

Chuyển đổi giữa chế độ camera và video.

▲ / ▼

Điều chỉnh độ sáng (khi camera đang hoạt động)

hoặc phím phụ Camera

Chụp hình và lưu lại ngay sau đó

*Options* hoặc

Mở menu tùy chọn

Trong bất kỳ menu nào, bấm phím bật tắt để hủy bất cứ thao tác hiện hành nào và trở về chế độ chờ. Một khi đã được lưu trữ, các hình ảnh/video có sẵn tại *My Files* > *Pictures* / *Videos*. Xem phần “Các Tập tin Riêng” trang 40 để có thông tin chi tiết hơn.

## Menu tùy chọn camera

Khi chế độ camera được kích hoạt và trước khi chụp hình, bạn có thể thay đổi một số cài đặt bằng cách bấm  **Options**.

### Tùy chọn

#### Phần mô tả

#### Preview screen

Chọn để xem màn hình *Full/Large/Small screen*:

#### Picture resolution

Điều chỉnh từ sáu kích cỡ trên hình: 160X120, 320X240, 640X480, 800X600, 1280X1024 và 1600X1200.

#### Picture quality

Chọn trong số ba tiêu chuẩn chất lượng hình: *Super fine*, *Fine* và *Normal*.

#### View pictures

Chọn để xem các hình chụp.

#### Flash light Mode

Để bật hoặc tắt chế độ đèn flash. Có ba chế độ để chọn: *Night mode*, *Self-timer* và *Multishot*.

*Chế độ chụp liên hoàn chỉ có sẵn khi độ phân giải hình ảnh ở mức 800X600 hoặc thấp hơn.*

### Effects

Chọn để thêm các hiệu ứng màu sắc vào hình chụp.

### Frames

Để thêm khung vào hình chụp. Tùy chọn này chỉ có sẵn cho các hình chụp có độ phân giải thấp.

### Advanced

Chỉnh thông tin chi tiết hơn:

- **Default name:** Nhập tên mặc định cho hình chụp.
- **Reset settings:** Phục hồi các giá trị mặc định.
- **Anti-Flicker:** Chọn giữa 50Hz hoặc 60Hz.

Một khi bạn đã kích hoạt camera, chỉ cần bấm  để chụp hình. Hình chụp được lưu lại tự động. Một khi hình chụp được lưu lại, sau đó bạn có thể bấm  **Options** để truy cập danh sách sau đây:

### Tùy chọn

#### Phần mô tả

#### Send

Để gửi hình chụp *Via multimedia msg*, *Via Bluetooth*, *Via infrared* hoặc *Via e-mail*.

#### Take new picture

Trở về màn hình ngắm

**As contact ID** Để cài làm hình nhận diện khi có cuộc gọi đến.

**As wallpaper** Để cài hình chụp làm hình nền *Full Screen* hoặc *Fit Screen*.

**Delete** Xóa hình chụp.





**Khi bộ sưu tập hình đầy, sẽ xuất hiện một thông báo.**

## Chế độ Video

Tùy chọn này cho phép bạn lưu lại các đoạn video ngắn mà bạn có thể phát, lưu vào điện thoại hoặc thẻ bộ nhớ đệm (SD/MMC), hoặc gửi đến mọi người qua MMS hoặc e-mail.

Lưu ý rằng bộ nhớ trong của điện thoại có thể lưu trữ khoảng 350kb video. Khi lưu vào thẻ SD/MMC, số lượng video mà bạn có thể lưu trữ phụ thuộc vào dung lượng của thẻ SD/MMC.

## Cách để ghi Video?

Bấm	Để
 <b>Select</b> hoặc phím phụ Camera	Chọn từ menu chính > <b>Camera</b> hoặc Bật <b>Camera</b> Trực tiếp.
◀ hoặc ▶	Để chuyển điện thoại từ chế độ camera sang video. Lưu ý rằng biểu tượng nhỏ phía trên màn hình bên trái hiển thị chế độ bạn đã chọn.
	Bắt đầu ghi video.
▲ / ▼	Điều chỉnh độ sáng (khi đang ở chế độ ghi hình)
Các phím phụ Camera + / -	Phóng to/thu nhỏ (khi đang ở chế độ ghi hình)
 <b>Stop</b>	Dừng ghi video và lưu lại ngay sau khi chụp.
 <b>Options</b>	Mở menu tùy chọn

## Menu tùy chọn Video

Khi chế độ video được kích hoạt và trước khi chụp hình, bạn có thể thay đổi một số cài đặt bằng cách bấm  Tùy chọn.

Tùy chọn	Phần mô tả
<i>Preview screen</i>	Chọn để xem màn hình <i>Full/Large/Small screen</i> .
<i>Video length</i>	Chọn từ <i>MMS length</i> hoặc <i>Maximum length</i> .
<i>Video resolution</i>	Chọn kích cỡ video: <i>352x288</i> hoặc <i>176x144</i> .
<i>Video quality</i>	Chọn chất lượng hình: <i>Fine</i> và <i>Normal</i> .
<i>View videos</i>	Chọn để xem video được ghi.
<i>Flash light</i>	Chọn để bật/tắt đèn flash.
<i>Effects</i>	Chọn hiệu ứng màu sắc.
<i>Advanced</i>	Chỉnh thông tin chi tiết hơn: <ul style="list-style-type: none"><li>• <i>Default name</i>: Nhập tên mặc định cho video.</li><li>• <i>Reset settings</i>: Phục hồi cài đặt gốc.</li></ul>

Một khi bạn đã kích hoạt chế độ video, chỉ cần bấm  để bắt đầu ghi. Bấm  *Stop* để dừng ghi video và lưu lại. Một khi đã lưu tập tin hình, sau đó bạn có thể bấm  *Options* để truy cập danh sách sau:

Tùy chọn menu Video

Tùy chọn	Phần mô tả
<i>Play</i>	Phát lại video bạn vừa ghi.
<i>Send</i>	Gửi tập tin video.
<i>Record new video</i>	Trở về chế độ video để ghi các video mới.
<i>Delete</i>	Xóa video clip.

---

*Khi bộ sưu tập hình đầy, sẽ xuất hiện một thông báo.*

---

## 8. Tin nhắn



Chương này trình bày các chức năng nhắn tin khác nhau của Điện thoại di động Philips 960. Truy nhập được một số chức năng này phụ thuộc vào dịch vụ thuê bao của bạn. Hãy liên lạc với nhà cung cấp dịch vụ mạng để có thêm thông tin về dịch vụ thuê bao của bạn.

### SMS

Menu này cho phép bạn gửi và nhận các tin nhắn nhanh bằng văn bản qua SMS (Dịch vụ Tin nhắn nhanh). SMS có thể bao gồm các âm thanh, hình ảnh và/hoặc hoạt ảnh đơn giản.

#### Tạo một SMS mới

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <i>Select</i> hoặc	Từ menu chính, chọn <i>Messages</i> > <i>Create</i> > <i>SMS</i> hoặc
▶ ( <i>Create</i> )	Từ màn hình nền, chọn ▶
Các phím trên bàn phím	Nhập văn bản cho SMS.

- Next* Chọn từ/ký tự mong muốn hoặc
- Clear* Xóa từ/ký tự.

Khi bạn đang soạn một SMS, bấm  *Options* để truy nhập các chức năng sau:

#### Tùy chọn

##### *Continue*

##### *Add symbol*

##### *Insert object*

#### Phần mô tả

Chọn *Contacts* để gửi để gửi SMS đến người nhận trong danh bạ của bạn. Hoặc chọn *Phone number* để nhập bất cứ số nào khác bằng bàn phím.

Chèn các biểu tượng cho văn bản của bạn.

Bạn có thể chèn danh sách các mục vào văn bản:

- *Sounds*: Chèn âm thanh được định sẵn.
- *Animations*: Chèn âm thanh được định sẵn.
- *My animations*: Chèn ảnh động mà bạn đã tải về.
- *My pictures*: Chèn hình mà bạn đã tải về hoặc vừa chụp.

- **My sounds:** Chèn tập tin âm thanh mà bạn đã tải về.
- **Text template:** Thêm văn bản được định sẵn vào SMS. Để có thêm thông tin, xem “Mẫu” dưới đây.
- **Contact number:** Để chèn số điện thoại từ danh bạ vào tin nhắn.
- **Bookmark:** Chèn chỉ mục WAP.

**Spell word** Thêm mục từ mới vào từ điển T9.

**T9 language** Để chọn giữa T9 **Automatic** hoặc **English**.

**T9 dictionary** Để bật hoặc tắt từ điển T9.

**Save as draft** Để lưu SMS dưới dạng nháp.

**Text format** Menu này cho phép bạn định dạng văn bản tin nhắn. Hãy lưu ý rằng cách định dạng được áp dụng ở đây chỉ có thể đọc được đối với người nhận nếu điện thoại di động của họ có hỗ trợ định dạng văn bản.

Các tùy chọn này phải được cài đặt trước khi nhập văn bản:

- **Font style:** chọn giữa **Underlined** và **Strikethrough**.
- **Font colour:** chọn giữa **Foreground color** và **Background color**.

**Các hình ảnh và âm thanh được bảo vệ bản quyền không thể gửi kèm cùng với tin nhắn.**

### Hộp thư đến

Menu này liệt kê tất cả các tin nhắn SMS mà bạn đã nhận. Để xem các tin nhắn SMS:

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <b>Select</b>	Chọn từ menu chính > <b>Messages</b> > <b>Inbox</b>
▲ hoặc ▼	Bôi đậm tin nhắn bạn muốn xem.
<input type="checkbox"/> <b>Options</b>	Chọn <b>View</b> để đọc nội dung tin nhắn.

Tùy chọn hộp thư đến bao gồm:

Tùy chọn	Phần mô tả
<b>View</b>	Xem nội dung tin nhắn và chi tiết người gửi.

<i>Edit</i>	Soạn tin nhắn vừa nhận.
<i>Reply</i>	Trả lời SMS đến người gửi.
<i>Forward</i>	Chuyển tiếp tin nhắn đến những người nhận khác. Bạn có thể chọn số liên lạc từ danh bạ hoặc nhập số mới bằng các phím số.
<i>Delete</i>	Xóa tin nhắn.
<i>Delete all</i>	Xóa tất cả các tin nhắn trong Hộp thư đến.
<i>Details</i>	Đọc các chi tiết của tin nhắn như <i>Date</i> , <i>Delivery time</i> , <i>From</i> và <i>Message centre</i> .
<i>Call back</i>	Trích xuất số điện thoại người gửi và gọi trực tiếp.
<i>Select multiple</i>	Đánh dấu một hoặc tất cả tin nhắn.

### **Hộp thư đi**

Menu này liệt kê tất cả SMS mà bạn đã gửi và lưu lại. Các tùy chọn có sẵn là *View*, *Forward*, *Delete*, *Delete all*, *Details* và *Select multiple*.

### **Hộp thư nháp**

Menu này liệt kê tất cả SMS mà bạn đã lưu nhưng chưa gửi. Các tùy chọn có sẵn là *Send*, *View*, *Edit*, *Delete*, *Delete all*, *Details*, *Call* và *Send multiple*.

#### *Settings* > *Text message*

Menu này cho phép bạn thiết lập các cài đặt khác nhau cho hai cấu hình SMS. Chọn một trong số các cấu hình có sẵn và chọn *Activate* để áp dụng cấu hình SMS hoặc chọn *Personalise* để thay đổi các tùy chọn sau:

<b>Tùy chọn</b>	<b>Phần mô tả</b>
<i>Message centre</i>	Soạn số điện thoại của trung tâm tin nhắn.
<i>Protocol</i>	Chọn từ <i>Standard text</i> , <i>Fax</i> , <i>X.400</i> , <i>Paging</i> , <i>ERMES</i> và <i>E-mail</i> .



### Validity period

Tính năng này tùy thuộc vào dịch vụ thuê bao. Để chọn khoảng thời gian tin nhắn của bạn được lưu trên trung tâm SMS. Tính năng này rất hữu dụng khi người nhận không kết nối được vào mạng (và do đó không thể nhận tin nhắn của bạn ngay). Chọn từ *1 hour*, *12 hours*, *1 day*, *1 week* và *Maximum*.

### Delivery report

Tính năng này tùy thuộc vào dịch vụ thuê bao. Chọn xem có muốn nhận thông báo đã chuyển.

### SMS via GPRS

Chọn để bật/tắt chức năng này: Gửi SMS qua GPRS.

### Direct reply

Bật/tắt chức năng trả lời trực tiếp.

### Message class

Phân loại tin nhắn từ *Class 0 - 3*.

---

*Truy cập được vào mạng GPRS phụ thuộc vào dịch vụ thuê bao.*

---

## MMS

Menu này cho phép bạn gửi và nhận tin nhắn MMS (Dịch vụ Tin nhắn đa phương tiện). Các tin nhắn MMS có thể chứa văn bản, hình ảnh và âm thanh. Những tin nhắn này có thể chứa một hoặc nhiều bản chiếu. Dù bạn gửi đến một địa chỉ e-mail hoặc một máy di động khác, tin nhắn MMS sẽ hiển thị dưới dạng trình chiếu.

Hãy lưu ý rằng nếu bạn gửi tin nhắn MMS đến một máy di động khác, thì máy của người nhận cũng phải hỗ trợ MMS để có thể nhận tin nhắn của bạn.

### Tạo tin nhắn MMS mới

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Từ menu chính, chọn <i>Messages</i> > <i>Create</i> > <i>Multimedia message</i> .
<input type="checkbox"/> <i>Options</i>	Mở menu tùy chọn.

Để tạo mới một tin nhắn MMS, bấm  *Options* để truy cập các tính năng sau:

## Tùy chọn *Continue*

### Phần mô tả

Nhập các chi tiết cho tin nhắn MMS:

- **To:** Chọn số liên lạc của người nhận.
- **Subject:** Nhập chủ đề cho tin nhắn.
- **Cc:** Gửi cùng một bản sao đến các người nhận khác (họ sẽ biết địa chỉ của nhau)
- **Bcc:** Gửi cùng một bản sao đến các người nhận khác (họ sẽ không biết địa chỉ của nhau)
- **Sender visibility:** Bật/Tắt Chức năng hiển thị người gửi.
- **Priority:** Chọn từ *Low*, *Normal* và *High*.
- **Delivery report:** Bật/tắt để nhận thông báo đã chuyển tin nhắn.
- **Read report:** Bật/tắt để nhận thông báo đã đọc tin nhắn.
- **Expiry time:** Chọn từ *1 hour*, *3 hours*, *6 hours*, *12 hours*, *1 day*, *1 week* và *Maximum*.
- **Delivery time:** Chọn giữa *Immediate* và *Tomorrow*.

### *Insert object*

Các mục bao gồm *Picture*, *Video*, *Sound* và *Page*.

### *Insert new*

Chèn các đối tượng được tạo bởi *Digital camera*, *Video camera* và *Sound recorder*.

### *Attachment*

Để đính kèm *Business card* hoặc *Appointment* Bằng tin nhắn MMS.

### *Preview message*

Để xem trước tin nhắn hoặc trang hiện hành của tin nhắn.

---

*Bạn không thể đính kèm tập tin video vào tin nhắn MMS có sẵn tập tin âm thanh hoặc hình ảnh và ngược lại. Bạn cũng không thể đính kèm tập tin âm thanh vào tin nhắn MMS có sẵn ghi nhớ bằng thoại và ngược lại.*

---

### *Timing*

Để cài *Slide duration*.

### *Page list*

Xem danh sách trang.


### *Save*

Để lưu tin nhắn MMS vào Hộp thư nhập.

Hãy lưu ý rằng không thể gửi đi các hình ảnh và âm thanh được định sẵn và bảo vệ bản quyền. Trong cả hai trường hợp, chúng sẽ không hiển thị trên các danh sách mà từ đó bạn được yêu cầu để chọn một mục bất kỳ.

Nếu có một thông báo “Bộ nhớ đầy” xuất hiện khi đang tạo hoặc nhận tin nhắn MMS, bạn phải xóa các tin nhắn cũ (chẳng hạn như tin nhắn mẫu, tin nháp, tin đã nhận, v.v...).

### Hộp thư đến

Menu này liệt kê tất cả các tin nhắn MMS mà bạn vừa nhận. Một khi bạn đã đọc tin nhắn MMS, bấm  **Options** để truy cập **View**, **Edit**, **Reply**, **Forward**, **Delete**, **Delete all**, **Details**, **Call back** và **Select multiple**.

### Hộp thư đi

Menu này liệt kê tất cả các tin nhắn MMS bạn vừa gửi. Các tùy chọn bao gồm **View**, **Forward**, **Delete**, **Delete all**, **Details**, **Call** và **Select multiple**.

### Hộp thư nháp

Menu này liệt kê tất cả tin nhắn MMS mà bạn đã lưu nhưng chưa gửi. Các tùy chọn bao gồm **Send**, **View**, **Edit**, **Delete**, **Delete all**, **Details** và **Select multiple**.



### Settings > Multiple message

Menu này cho phép bạn định cấu hình Điện thoại di động Philips 960 để nhận và gửi các tin nhắn MMS. Điện thoại của bạn có thể đã được cấu hình sẵn để truy cập trực tiếp các dịch vụ được cung cấp. Nếu không, hãy liên hệ với nhà điều hành mạng để có thông tin như được mô tả ở phần này.

## Tùy chọn

### Profiles

## Phần mô tả

Chọn máy chủ từ danh sách hoặc bấm  **Options** để **Edit** các chi tiết hoặc  để kích hoạt dịch vụ. Các chi tiết cần điều chỉnh trên máy chủ bao gồm:

- **Name**: Tên để nhận diện máy chủ.
- **IP address**: Địa chỉ số của máy chủ theo định dạng **nnn.nnn.nnn.nnn**
- **Port**: Số cổng nối trên máy chủ. Số cổng nối thường là 9201.
- **Server address**: URL của máy chủ tin nhắn.
- **Linger time**: Thời gian điện thoại của bạn đang kết nối với WAP.
- **Connection**: Chọn kiểu kết nối giữa **GPRS** hoặc **CSD**.
- **CSD profiles**: Chọn kiểu cài đặt CSD định sẵn.
- **GPRS profiles**: Chọn kiểu cài đặt GPRS định sẵn.

## Options

Chọn để điều chỉnh các tùy chọn sau:

- **Sender visibility:** bật/tắt để xem số điện thoại người gửi.
- **Priority:** Chọn từ *Low*, *Normal* và *High*.
- **Delivery report:** Tùy chọn này thông tin cho bạn qua SMS về tình trạng các tin nhắn MMS mà bạn vừa gửi (chẳng hạn nếu chúng đã được chuyển). Nó có thể là *On* hoặc *Off*.
- **Expiry time:** Chọn từ *1 hour*, *3 hours*, *6 hours*, *12 hours*, *1 day*, *1 week* và *Maximum*.
- **Retrieval:** Chọn từ *Automatic*, *Deferred* và *Auto.homenet*.

## E-mail


Điện thoại di động Philips 960 của bạn có thể gửi và nhận các tin nhắn qua e-mail với điều kiện dịch vụ này được bao gồm trong gói thuê bao của bạn. Bạn phải có sẵn một tài khoản e-mail và các cài đặt từ nhà cung cấp dịch vụ email. Trong một số trường hợp, nhà cung cấp dịch vụ điện thoại di động cũng có thể cung cấp dịch vụ e-mail.

---

*Trước khi bạn bắt đầu sử dụng chức năng E-mail, điện thoại sẽ yêu cầu bạn cài đặt địa chỉ E-mail của người gửi vào cấu hình E-mail. Để có chi tiết về cách định cấu hình tài khoản của bạn, hãy xem phần "Settings > E-mail" trang 36.*

---


### Create > E-mail

Chọn mục này để tạo một e-mail mới. Nhập văn bản vào cửa sổ soạn thảo đang hiển thị. Một khi bạn đã soạn xong tin nhắn, bấm  **Options** để truy cập vào các chức năng sau:

#### Tùy chọn

#### Phần mô tả

##### Add Recipient

Để nhập địa chỉ e-mail của người nhận (Bấm nhẹ  để truy nhập vào bảng các biểu tượng kể cả dấu @).

Nhập địa chỉ (*To*) và *Subject*. Bạn cũng có thể gửi một bản sao qua (*Cc*) hoặc cùng gửi đến (*Bcc*) từ e-mail của bạn. Bạn cũng có thể gửi e-mail cùng với *Attachment*.

##### Save

Lưu tin nhắn vào hộp thư nháp nếu chưa muốn gửi đi. Trước tiên bạn phải nhập địa chỉ e-mail.

*New line*      Bắt đầu một đoạn mới.

*Clear all*      Xóa đồng thời tất cả mục nhập.

#### *Inbox > Mailbox > Check mail*

Menu này cho phép bạn kết nối với hộp thư và tải về tất cả các e-mail hoặc chỉ các tiêu đề (để sau đó bạn có thể chọn xem cần tải về đầy đủ những tin nhắn nào).

#### *Inbox > Mailbox*

Menu này liệt kê tất cả các e-mail bạn đã nhận.

#### *Outbox > Mailbox*

Menu này liệt kê tất cả các e-mail bạn đã gửi.

#### *Drafts > Mailbox drafts*

Menu này liệt kê tất cả e-mail bạn đã lưu nhưng chưa gửi đi. Các tùy chọn bao gồm *View*, *Send*, *Edit*, *Delete*, *Delete all* và *Select multiple*.

#### *Settings > E-mail*

Menu này chứa các thông số cần thiết để gửi và nhận các e-mail. Bạn cần kiểm tra với nhà cung cấp dịch vụ về cách cài đặt và các điều kiện sử dụng.

## Tùy chọn **Phần mô tả**

### *Server*

Bạn có thể cài đặt đến năm cấu hình cùng kết nối với máy chủ e-mail. Bấm  *Options* để *Activate*, *Edit* hoặc *Rename* máy chủ ưa thích. Bạn có thể chỉnh sửa các chi tiết sau:

- *Connection*: Chọn cách thức mà điện thoại của bạn sẽ kết nối vào mạng: Kết nối qua: *GPRS first*, *CSD only* hoặc *GPRS only*. Sau đó thực hiện các cài đặt tương ứng vào CSD hoặc GPRS.
- *Incoming server*: Để cài đặt thông tin dùng để nhận các e-mail (máy chủ POP): *Server*, *Port*, *Authentication*, *Account*, *Password*, và *Download*.
- *Outgoing server*: Để cài đặt thông tin dùng để gửi các e-mail (máy chủ SMTP): *Server*, *Port*, *Authentication*, *Account*, và *Password*.

### *Account*

Chỉnh sửa thêm thông tin như *User name*, *Address*, và *Signature*.

## Tin nhắn soạn sẵn

---

Chức năng này cho phép bạn tạo các tin nhắn soạn sẵn để chỉnh sửa hoặc gửi sau này.

## Nhắn tin

---

Điện thoại của bạn bao gồm dịch vụ Nhắn tin nhanh & Hiển thị được thiết kế để hỗ trợ trao đổi tin nhắn với tốc độ hỗ trợ cho các cuộc đàm thoại tương tự như trò chuyện. Tin nhắn nhanh được chuyển nhanh đến người nhận; nếu không tin nhắn này sẽ bị bỏ qua và người gửi sẽ nhận được thông báo là không gửi được tin nhắn.

*Tính năng này tùy thuộc vào nhà điều hành mạng và dịch vụ thuê bao của bạn.*

---

## Dăng nhập

Trước khi khởi động, bạn được yêu cầu nhập tên của bạn. Ở menu chính, vào [Messages](#) > [Messenger](#) > [Login](#).

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <a href="#">Select</a>	Chọn menu chính > <a href="#">Messages</a> > <a href="#">Messenger</a> > <a href="#">Login</a> . Và vào tài khoản mong muốn.
<input type="checkbox"/> <a href="#">Options</a>	Chọn vào <a href="#">Activate</a> tài khoản hoặc <a href="#">Edit</a> các chi tiết. Các chi tiết bao gồm như sau: <a href="#">Account name</a> <a href="#">Address</a> <a href="#">User ID</a> <a href="#">Password</a> <a href="#">GPRS profiles</a>

## Nhật ký tin nhắn

---

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <a href="#">Select</a>	Menu chính > <a href="#">Messages</a> > <a href="#">Messenger</a> > <a href="#">Message history</a>
▲ hoặc ▼	Chuyển sang tin nhắn mong muốn
<input type="checkbox"/> <a href="#">Select</a>	Xem tin nhắn

## Cài đặt

Tùy chọn	Phần mô tả
<a href="#">Accounts</a>	Chỉnh sửa các chi tiết tài khoản này như mô tả ở trên.
<a href="#">Preferences</a>	Chỉnh sửa thêm các chi tiết như <a href="#">Automatic login</a> , <a href="#">Message alert</a> , <a href="#">Alert with sound</a> , <a href="#">Alert with vibration</a> , <a href="#">Alert with popup</a> và <a href="#">Online Info alert</a> .

## Thông tin đơn vị

Tính năng này tùy thuộc vào mạng. Menu này cho phép bạn quản lý việc nhận các tin nhắn SMS quảng bá được gửi định kỳ đến tất cả các thuê bao trên mạng. Bạn có thể truy nhập các tùy chọn được liệt kê dưới đây.

Tùy chọn	Phần mô tả
<a href="#">Auto display</a>	Chọn bật/tắt các tin nhắn gửi đến từ máy vi tính (CB).
<a href="#">Reception</a>	Chọn bật/tắt nhận các tin nhắn quảng bá mới qua điện thoại.
<a href="#">Message inbox</a>	Hiển thị danh sách các tin nhắn CB.

## List of topics

Để xác định loại tin nhắn bạn muốn nhận:

- Từ thư mục [My topics](#), chọn [New entry](#) để tạo các chủ đề bạn ưa thích.
- Từ thư mục [Active topics](#), chọn một chủ đề có sẵn trong danh sách mà bạn có thể thay đổi hoặc xóa.

---

*Để biết mã tương ứng cho các loại tin khác nhau, bạn phải liên hệ với nhà điều hành mạng.*

---

[Languages](#) Chọn ngôn ngữ mà theo đó bạn sẽ nhận tin nhắn.

## Tình trạng bộ nhớ

Chức năng này cho bạn biết có bao nhiêu phần bộ nhớ trống dành cho tin nhắn trên điện thoại và trên thẻ SIM của bạn:

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <a href="#">Select</a>	Từ menu chính, chọn <a href="#">Messages &gt; Memory status</a>
<input type="checkbox"/> <a href="#">Back</a>	Trở về menu trước.

## Cài đặt tin nhắn

---

Các tùy chọn thuộc chức năng này được mô tả trong các phần trước. Vui lòng tham khảo các phần liên quan để biết thêm chi tiết.

### **Hộp thư thoại**

Menu này cho phép bạn cài đặt số hộp thư thoại và nghe các tin nhắn thoại mà người gọi để lại cho bạn trong hộp thư.

---

<b>Bấm</b>	<b>Để</b>
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Từ menu chính, chọn <i>Messages</i> > <i>Settings</i> > <i>Voice mail</i>

Các phím trên bàn phím Cài đặt số hộp thư thoại của bạn

<input type="checkbox"/> <i>Save</i>	Lưu số hoặc
hoặc	Hủy bỏ số
<input type="checkbox"/> <i>Clear</i>	



## 9. Các Tập tin Riêng



Menu này cho phép bạn quản lý các tập tin riêng của bạn bằng cách lưu chúng vào các thư mục khác nhau. Ngoài ra, bạn có thể sử dụng *Memory status* để biết thông tin về dung lượng bộ nhớ của điện thoại hoặc về thẻ SD/MMC cục bộ.

### Quản lý tập tin

Bạn có thể cắt, sao chép và dán các tập tin vào *My files*. Tuy nhiên, điện thoại không thể sao chép các tập tin lớn từ thẻ SD/MMC sang bộ nhớ trong (lên đến 350kb).

Để cắt, sao chép hoặc dán bất cứ tập tin nào trong *My files*:

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Từ menu chính, chọn <i>My files</i> > <i>Pictures</i> hoặc <i>Sound</i> .
▲ hoặc ▼	Cuộn đến tập tin ưa thích.

- Options* Mở menu *Options*.
- ▲ hoặc ▼ Chọn *Organise* > *Cut* hoặc *Copy*.
- ▲ hoặc ▼ Vào thư mục mong muốn.
- Options* Mở menu *Options*.
- ▲ hoặc ▼ Chọn *Paste here*.

### Bộ nhớ điện thoại

Để xem tất cả các tập tin được lưu trong bộ nhớ điện thoại:


Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Từ menu chính, chọn <i>My files</i> > <i>Memory status</i>
▲ hoặc ▼	Duyệt qua <i>Free memory</i> , <i>Used</i> và <i>Total size</i> .

## Thẻ nhớ

---

Để xem tất cả các tập tin đã lưu ở bộ nhớ ngoài:

---

Bấm	Để
 <i>Select</i>	Từ menu chính, chọn <i>My files</i> > <i>Memory card</i> .
◀ / ▶	Cuộn giữa <i>My files</i> của bộ nhớ điện thoại và <i>Memory card</i> .
▲ hoặc ▼	Duyệt qua các tập tin được lưu trong các thẻ nhớ.

## 10. Công cụ



Menu này gồm các tùy chọn liên quan đến ứng dụng riêng của bạn.

### Lịch

Menu này hiển thị lịch. Xem tháng là được cài mặc định và ngày hôm nay được bôi đậm bằng màu đỏ và ô vuông màu xanh. Ngày âm được bôi đậm sẽ hiển thị bằng màu xanh lục ở góc phải dưới màn hình. Bạn có thể chọn một ngày khác gần ô màu xanh với các phím chuyển hướng.

Lịch bao gồm các tùy chọn sau:

#### Tùy chọn Phần mô tả

**View day** Xem danh sách sự kiện của ngày.

Bấm  **Options** để:

- **View**: xem các chi tiết sự kiện.
- **Edit**: Soạn các chi tiết sự kiện.
- **Delete**: Xóa sự kiện.
- **Send**: Chọn kiểu kết nối: **Infrared** hoặc **Bluetooth**.
- **Capacity**: Xem dung lượng sự kiện.

**View week**

**New meeting**

Hiển thị lịch theo dạng tuần.

Menu này cho phép bạn tạo cuộc hẹn mới. Bấm  để tạo sự kiện mới với thông tin sau:

- **Subject**: nhập chủ đề cho sự kiện.
- **Location**: Xác định vị trí.
- **Start date**: Nhập ngày bắt đầu.
- **Start time**: Xác định giờ bắt đầu.
- **End date**: Nhập ngày kết thúc.
- **End time**: Xác định giờ kết thúc.
- **Alarm**: Cài báo thức ở chế độ bật/tắt và tần số báo thức.
- **Reminder**: Cài trình nhắc để thông báo **At event time, 5 mn before, 15 mn before, 1 hour before, 1 day before** hoặc **Other**.
- **Repetition**: Cài tần số lặp lại sự kiện.

**Go to date**

Nhập ngày và xác định trực tiếp ngày trên lịch.

- Advanced** Để có thêm nhiều tùy chọn:
- **Clear all:** Chọn từ *All events*, *One day old* và *One week old*.
  - **Reminders:** Chọn từ *Always*, *Never* và *If phone is on*.
  - **Starting day:** Cài ngày bắt đầu trong tuần: *SUN* hoặc *MON*.

## Báo thức

---

Từ menu Báo thức, bạn có các tùy chọn sau:

Tùy chọn	Phần mô tả
<i>Simple alarm</i>	Báo thức đơn chỉ đổ chuông một lần. Cài báo thức ở chế độ Bật/Tắt. Khi cài đặt ở chế độ Bật, định giờ báo thức.
<i>Repeat alarm</i>	Chế độ báo thức lặp lại báo theo ngày bạn xác định trong tuần. Chẳng hạn, nếu bạn chọn Chủ Nhật và Thứ Hai, đồng hồ báo thức sẽ đổ chuông mỗi Chủ Nhật và Thứ Hai.
<i>Alarm tone</i>	Chọn một âm báo thức.

## Các cuộc hẹn

---

Các cuộc hẹn cho phép bạn sắp xếp lịch làm việc trên điện thoại. Ở mục *New event*, tạo mới các chi tiết theo mô tả ở trên của mục *View Day* trong menu tùy chọn Lịch. Hoặc bạn có thể xem danh sách các sự kiện bạn đã được sắp xếp.


## Các việc cần làm

---

Menu này cho phép bạn ghi lại các thao tác của bạn trên điện thoại. Bấm  *Add* để tạo mới thao tác với các thông tin sau:





Tùy chọn	Phần mô tả
<i>Subject</i>	nhập chủ đề cho mục nhập.
<i>Status</i>	Chọn từ <i>Pending</i> hoặc <i>Done</i> .
<i>Priority</i>	Xác định ưu tiên cho mục nhập: <i>High</i> , <i>Normal</i> hoặc <i>Low</i> .
<i>Set date</i>	Chọn cài hoặc không cài ngày.
<i>Due date</i>	xác định ngày thực hiện.
<i>Due time</i>	xác định giờ thực hiện.
<i>Alarm</i>	Cài báo thức ở chế độ bật/tắt.

## Ghi chú

Menu này cho phép bạn ghi lại các ghi chú của bạn trên điện thoại. Khi bạn xem danh sách các ghi chú đã lưu, chọn ghi chú mong muốn và bấm  *Options* để, *Edit*, *New entry*, *Delete*, *Delete all*, *Send* và kiểm tra *Capacity*.





## Ghi nhớ bằng thoại

Menu này cho phép bạn ghi lại các ghi nhớ bằng thoại. Một khi đã ghi, bạn có thể cài tập tin âm thanh làm chuông, gửi qua e-mail và v.v...

Bấm	Để
 <i>Select</i>	Từ menu chính, chọn <i>Tools</i> > <i>Voice memo</i> .
 <i>Record/ Pause</i>	Bắt đầu / Tạm dừng ghi âm
 <i>Stop</i>	Dừng ghi âm và lưu tập tin vào.
 <i>Play</i>	Bắt đầu phát tập tin ghi âm

## Máy tính

Điện thoại di động của bạn có một máy tính được cài sẵn. Bàn phím dùng để nhập các số. Tham khảo bảng dưới đây về cách thực hiện các thao tác khác.

Tùy chọn	Phần mô tả
▲	Cộng
▼	Trừ
▶	Nhân
◀	Chia
	Kết quả
 <i>Options</i> > +/-	Chuyển đổi giữa các số âm và dương.
 <i>Options</i> > %	Thêm biểu tượng %.
	Thêm dấu thập phân.

## **Bộ chuyển đổi đơn vị**

---

Menu này cho phép bạn chuyển đổi nhiều loại đơn vị như *Length*, *Temperature*, *Currency*, *Energy*, *Velocity*, *Mass*, *Area*, *Volume*, *Power*, *Time* và *Pressure*.

*Các kết quả có được từ bộ chuyển đổi chỉ dùng để tham khảo và không thể sử dụng làm nguồn dữ liệu cho các mục đích khác.*

---

## 11. Số liên lạc



Chức năng này giúp bạn quản lý các tên, địa chỉ, và số điện thoại của bạn bè, gia đình và đồng nghiệp. Điện thoại di động Philips 960 của bạn có hai vùng lưu trữ cho các số liên lạc: Danh bạ SIM và danh bạ trên điện thoại.

Quản lý các số liên lạc trên danh bạ điện thoại cho phép bạn lưu trữ nhiều thông tin hơn (địa chỉ...) so với danh bạ SIM. Khoảng trống có sẵn cho các mục này trên thẻ SIM có thể thay đổi theo nhà sản xuất. Nếu bạn muốn gọi đến các số liên lạc khi nằm ngoài mạng trong nước, hãy nhập mã đầu quốc tế, mã nước và mã vùng.

**Để chuyển đổi giữa danh bạ SIM và điện thoại:**  
Từ menu chính, chọn **Contacts > Advanced > Select address book**

### **Xem/Tạo mới các số liên lạc**

Để xem hoặc tạo mới số liên lạc trên SIM/điện thoại:

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <b>Select</b>	Từ menu chính, chọn <b>Contacts &gt; View contacts</b>
<input type="checkbox"/> <b>Add</b>	Chọn <b>&lt;New contact&gt;</b>
Các phím trên bàn phím	Nhập các mục thông tin sau cho các số liên lạc trên SIM. <ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Name</b></li><li>• <b>Home</b></li><li>• <b>Location</b></li><li>• <b>Position in SIM</b></li></ul> hoặc nhập các thông tin sau cho các số liên lạc trên danh bạ máy: <ul style="list-style-type: none"><li>• <b>First name</b></li><li>• <b>Last name</b></li><li>• <b>Mobile</b></li><li>• <b>Home</b></li><li>• <b>Work and etc.</b></li></ul>
<input type="checkbox"/> <b>Save</b>	Lưu mục nhập hoặc trở về <b>Contacts</b> số liên lạc.
hoặc <input type="checkbox"/> <b>Clear / Back</b>	
	Lưu ý rằng để tạo mới một số liên lạc, bạn phải cung cấp ít nhất một chữ số.

Hầu hết các mục này không có văn bản, nghĩa là bạn có thể nhập dữ liệu chữ số bằng cách sử dụng các chức năng nhập văn bản từ điện thoại di động của bạn (hoặc để biết thêm thông tin về cách nhập văn bản, hãy xem phần “Nhập văn bản” trang 14).

### **Tùy chọn Danh bạ**

Trên danh bạ, bạn có thể hiển thị các chi tiết về số liên lạc bằng cách chọn nó và bấm  **Options** để xem/để chỉnh sửa thêm thông tin:

#### **Tùy chọn Phần mô tả**

**View** Xem các chi tiết của số liên lạc được chọn.

**Send message** Để gửi **Text Message** hoặc **Multimedia Message** đến số liên lạc.

**Call** Gọi đến số liên lạc.

**Delete** Xóa số liên lạc.

**Default number** Xem các số mặc định: **Mobile number**, **Company number** và **Home number**.

**Send contact** Chọn để gửi số liên lạc qua **Infrared** hoặc **Bluetooth**.

**Copy contact** Sao chép mục nhập vào thẻ SIM hoặc máy.

**Move contact** Chuyển mục nhập.

**Add picture** Thêm ID hình ảnh vào số liên lạc. Tùy chọn này chỉ có sẵn cho các số liên lạc trên danh bạ điện thoại.

**Select multiple** Chọn đồng thời một số liên lạc hoặc tất cả các số.

## **Xem các nhóm**

Chức năng **View groups** cho phép bạn tổ chức các số liên lạc để có thể kết hợp các hình ảnh và/hoặc nhạc chuông với một nhóm các số liên lạc và gửi các tin nhắn đến tất cả các thành viên của nhóm. Từ menu **Contacts**, chọn **View groups** và danh sách các nhóm sẽ được hiển thị.

### **Xem**

Chọn một nhóm và bấm  **Options** > **View** để hiển thị các thành viên của nhóm.



## Tùy chọn Nhóm

Tùy chọn	Phần mô tả
<a href="#">View</a>	Hiển thị các thành viên của nhóm.
<a href="#">Set ringtone</a>	Chọn một nhạc chuông sẽ đổ chuông khi một thành viên của nhóm gọi đến.
<a href="#">Rename</a>	Đổi tên nhóm.
<a href="#">Remove</a>	Xóa số liên lạc dùng cho nhóm.
<a href="#">Add picture</a>	Thêm hình ảnh vào nhóm.
<a href="#">Send SMS</a>	Gửi SMS đến các thành viên của nhóm.

## Các số đặc biệt

Menu này cho phép bạn lưu lại danh sách của các số hữu ích như số riêng, số dịch vụ, số thư thoại và SOS.

Tùy chọn	Phần mô tả
<a href="#">My numbers</a>	<a href="#">View</a> , <a href="#">Edit</a> hoặc <a href="#">Delete</a> số điện thoại riêng của bạn.

[Service numbers](#) Mục nhập này của danh bạ SIM cho phép bạn chọn một trong số các dịch vụ được cung cấp bởi nhà điều hành mạng và để sao chép nó vào danh bạ được chọn.

[Voice mail](#) Hãy gọi đến số điện thoại của nhà cung cấp dịch vụ thư thoại.

[Emergency](#) Gọi đến các số điện thoại khẩn cấp.

## Quick call

Bạn có thể chỉnh sửa danh sách các cuộc gọi nhanh.

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <a href="#">Select</a>	Từ menu chính, chọn <a href="#">Contacts</a> > <a href="#">Quick call</a> .
Các phím chuyển hướng	Chuyển đến vị trí hình ảnh ưa thích.
<input type="checkbox"/> <a href="#">Add</a>	Thêm một số liên lạc đến vị trí được chọn và sau đó hiển thị tất cả các số liên lạc hoặc Trở về menu chính.
<input type="checkbox"/> <a href="#">Back</a>	

- ▲ hoặc ▼ Chọn số liên lạc từ danh bạ
- Done* Xác nhận số liên lạc đã thêm và thêm hình ảnh hoặc
- Cancel* Hủy bỏ

## Nâng cao

---

Menu này cung cấp cho bạn các chức năng nâng cao để có thể xem, chỉnh sửa các số liên lạc:

Tùy chọn	Phần mô tả
<i>Select address book</i>	Chuyển đổi giữa các số liên lạc được lưu trên <i>SIM contacts</i> hoặc <i>Phonebook</i> .
<i>Sort names</i>	Phân loại các số liên lạc trên danh bạ qua <i>First name</i> hoặc <i>Last name</i> .
<i>Picture in contacts</i>	Chọn để bật/tắt sự hiển thị hình ảnh của người gọi.
<i>Copy to SIM</i>	Sao chép tất cả các mục vào SIM.
<i>Copy to phone</i>	Sao chép tất cả các mục vào Máy.
<i>Move to SIM</i>	Chuyển tất cả các mục vào SIM.

- Move to phone* Chuyển tất cả các mục vào Máy.
- Delete all entries* Xóa tất cả các mục nhập.

## Tình trạng bộ nhớ

---

Menu này cho bạn biết có bao nhiêu dung lượng bộ nhớ trống dành cho các số liên lạc trên máy và thẻ SIM của bạn.

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Từ menu chính, chọn <i>Contacts &gt; Memory status</i>
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Hiển thị số lượng các số liên lạc được lưu lại và dung lượng bộ nhớ.

## 12. Cấu hình



Bạn có thể cài điện thoại của bạn hoạt động cùng với các cấu hình âm thanh sau:

- *Normal*
- *Headset*
- *USD cable*
- *Outdoors*
- *Meeting*

### Chọn cấu hình

---

Để chọn từ cấu hình khác:

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Từ menu chính, chọn <i>Profiles</i> .
▲ hoặc ▼	Điều chuyển đến cấu hình mong muốn.
<input type="checkbox"/> <i>Options</i>	Hiển thị menu <i>Options</i> và bạn có thể: <ul style="list-style-type: none"><li>• <i>Activate</i>: Kích hoạt cấu hình.</li><li>• <i>Personalise</i>: Tùy chỉnh cấu hình</li></ul>

## Cá nhân hóa các cài đặt

---

Cá nhân hóa các cài đặt bao gồm các mục sau:

Tùy chọn	Phần mô tả
<i>Alerts</i>	Chọn loại báo hiệu từ <i>Ring only</i> , <i>Vibrate only</i> , <i>Ring &amp; Vibrate</i> , <i>Vibrate then ring</i> và <i>None</i> .
<i>Key sound</i>	Chuyển đổi để bật/tắt âm bàn phím.
<i>Ringtones</i>	Chọn nhạc chuông cho <i>All calls</i> , <i>All contacts calls</i> , <i>Alarm</i> , <i>Appointments</i> , <i>Messages</i> , <i>Cell info</i> và <i>Group 1-10</i> .
<i>Ring volume</i>	Đây là bộ điều khiển âm lượng cấp 10. Sử dụng ▲ để tăng âm lượng và ▼ để giảm âm lượng.
<i>Photo shutter</i>	Chọn cài đặt âm thanh từ ba loại âm thanh được định sẵn.

---

*Tùy chọn này chỉ có sẵn trong Settings > Sounds.*

---

## 13. Kết nối



Điện thoại cho phép bạn kết nối với nhiều thiết bị ngoại vi thông qua hồng ngoại, Bluetooth, USB, CSD, hoặc GPRS. Menu này cung cấp cho bạn nhiều tính năng hơn để thiết lập kết nối với các thiết bị ngoại vi.

### Hồng ngoại

---

Bạn có thể cài đặt điện thoại để nhận dữ liệu thông qua kết nối hồng ngoại không dây và chuyển hoặc lưu trữ dữ liệu lên đến 350KB. Để sử dụng kết nối IR, thiết bị bạn muốn thiết lập kết nối phải tương thích với IrDA. Các loại dữ liệu bạn có thể gửi và nhận bao gồm các danh thiếp, hình đồ họa, hình chụp, đoạn âm thanh, video và các ghi chú lịch đến hoặc từ một điện thoại hoặc thiết bị dữ liệu tương thích (chẳng hạn như máy vi tính) qua cổng IR của điện thoại.

Lưu ý rằng không được hướng mắt của bạn trực tiếp vào tia IR (hồng ngoại) hoặc cho phép nó chiếu vào các thiết bị IR khác. Thiết bị này là sản phẩm Laser Loại 1.

### Gửi và nhận dữ liệu qua IR

Trước khi truyền qua tia hồng ngoại, bảo đảm rằng bạn đã đặt các cổng IR gửi và nhận các thiết bị hướng vào nhau. Lưu ý rằng không nên có các vật cản giữa các thiết bị. Nên giữ hai thiết bị cách nhau một mét để bảo đảm sự kết nối hiệu quả.

Để kích hoạt quy trình truyền qua tia hồng ngoại, bấm **Menu > Connectivity > Infrared**. Người dùng điện thoại để gửi phải chọn chức năng mong muốn để bắt đầu truyền dữ liệu.

Lưu ý rằng nếu truyền dữ liệu không được khởi động trong vòng hai phút sau khi kích hoạt cổng IR, thì quy trình kết nối sẽ bị hủy bỏ và cần phải khởi động lại.

### Bluetooth

---

Điện thoại của bạn hỗ trợ công nghệ không dây Bluetooth, cho phép kết nối với thiết bị Bluetooth tương thích trong phạm vi 10 mét và truyền các tập tin đến 350 kb. Kết nối Bluetooth có thể gặp phải sự gián đoạn từ các trở ngại như các bức tường hoặc thiết bị điện tử khác.

Trước khi bạn có thể sử dụng Bluetooth, bảo đảm rằng các thiết bị khác phải hỗ trợ cho chức năng Bluetooth bằng cách liên hệ với nhà chế tạo thiết bị hoặc tài liệu kèm theo.

## Thực hiện kết nối Bluetooth

Để thực hiện kết nối Bluetooth, hãy truy cập menu chính, chọn **Connectivity**, sau đó chọn **Bluetooth**. Trên màn hình Bluetooth, chọn **Activate**. Tiếp theo, chọn **Search for devices**. Khi danh sách các thiết bị hiển thị, chọn một thiết bị để thực hiện kết nối.

Nếu vào một lúc nào đó bạn không còn sử dụng chức năng Bluetooth nữa, bạn phải tắt nó để duy trì năng lượng pin.

## Menu Bluetooth

Tùy chọn	Phần mô tả
<b>Activate</b>	Bật/tắt chức năng Bluetooth.
<b>Search for devices</b>	Chọn để dò tìm các thiết bị ngoại vi mà bạn kết nối với điện thoại.
<b>My devices</b>	Chọn để kết nối với các thiết bị đã định sẵn.
<b>Options</b>	Chọn để hiển thị thêm chức năng: <ul style="list-style-type: none"><li>• <b>Phone name</b></li><li>• <b>Visible</b></li><li>• <b>Services supported</b></li></ul>

Khi bạn dò tìm một thiết bị, bạn sẽ nhìn thấy một danh sách bất cứ các thiết bị nào được phát hiện trong phạm vi của điện thoại kết nối Bluetooth. Ngay khi bạn chọn thiết bị và thực hiện kết nối, bạn được thông báo nhập khóa vạn năng để kết nối thiết bị. Khóa vạn năng này được cung cấp bởi nhà chế tạo thiết bị Bluetooth khác, thao khảo tài liệu của nó để biết thêm thông tin. Chức năng khóa vạn năng bảo đảm rằng chỉ có các kết nối hợp pháp mới được phép kết nối với thiết bị của bạn hoặc thiết bị được chọn.

## USB

Chức năng này cho phép bạn kết nối điện thoại với một PC hoặc Webcam qua USB. Để sử dụng chức năng:

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <b>Select</b>	Từ menu chính, chọn <b>Connectivity &gt; USB</b> .

- ▲ hoặc ▼ Điều chuyển qua *USB drive*, *Webcam* và *PC software*. Điện thoại di động của bạn lúc này sẽ hoạt động như một USB, một Webcam hoặc sẽ thực hiện các kết nối từ máy vi tính với Các Công cụ Điện thoại Di động. Nếu bạn kết nối điện thoại với máy vi tính thông qua phần mềm máy vi tính, bạn có thể chuyển các tập tin lên đến 350KB. Nếu bạn kết nối điện thoại với máy vi tính thông qua USB, bạn có thể truy nhập thẻ SD và kích thước tập tin được chuyển không giới hạn cho đến khi đầy bộ nhớ.

*Select* Chọn để kết nối với thiết bị ưa thích.

## Mạng

---

Chức năng này cho phép bạn thay đổi các cài đặt Mạng:

Tùy chọn	Phần mô tả
<i>Select network</i>	Dò tìm mạng có sẵn.
<i>Search mode</i>	Chọn giữa <i>Automatic</i> và <i>Manual</i> .
<i>Preferred networks</i>	Chọn mạng ưu tiên của bạn hoặc bấm <input type="checkbox"/> <i>List</i> để thay đổi mạng.
<i>Select band</i>	Năm băng tần có sẵn: <i>900MHz</i> , <i>1800MHz</i> , <i>1900MHz</i> , <i>900/1800MHz</i> và <i>900/1900MHz</i> .

## Thẻ bộ nhớ

---

Điện thoại có khe thẻ bộ nhớ SD/MMC để tăng dung lượng bộ nhớ. Điện thoại hỗ trợ các thẻ FAT16 SD/MMC có dung lượng lên đến 512MB với hiệu suất và chất lượng được bảo đảm.

## Kết nối

---

### Các cấu hình CSD

Menu này cho phép bạn định cấu hình kết nối CSD (dữ liệu chuyển mạch) với mạng. Các cài đặt CSD có sẵn là:

Tùy chọn	Phần mô tả
<i>Name</i>	Đặt tên cấu hình hiện hành
<i>Call type</i>	Để chuyển đổi giữa <i>Analogue</i> hoặc <i>ISDN</i> .
<i>Dial number</i>	Để nhập số gọi dịch vụ WAP của bạn.
<i>Login</i>	Để nhập tên đăng nhập.
<i>Password</i>	Để nhập mật mã.

### Các cấu hình GPRS

Menu này cho phép bạn định cấu hình kết nối GPRS (dữ liệu chuyển mạch) với mạng. Các cài đặt GPRS có sẵn là:

Tùy chọn	Phần mô tả
<i>Name</i>	Đặt tên cấu hình hiện hành
<i>APN</i>	Để nhập GPRS APN.
<i>Login</i>	Để nhập tên đăng nhập.
<i>Password</i>	Để nhập mật mã.
<i>Authentication</i>	Để bật/tắt chức năng này.

### Thông tin GPRS

Chức năng này cho phép bạn giám sát số lượng dữ liệu được truyền trong khi kết nối GPRS. Thông tin bao gồm:

Tùy chọn	Phần mô tả
<i>Accumulated</i>	Dung lượng và tổng thời lượng của dữ liệu đã nhận.
<i>Life time</i>	Dung lượng và tổng thời lượng của mọi dữ liệu đã nhận.
<i>Last link</i>	Dung lượng và tổng thời lượng của dữ liệu đã nhận từ phiên kết nối gần nhất.

## 14. Các cuộc gọi



Hầu hết các tùy chọn được mô tả trong chương này đều tùy thuộc vào nhà điều hành mạng và/hoặc dịch vụ thuê bao và hỏi hỏi mã PIN2 hoặc mã điện thoại. Để có thông tin về các mã PIN, hãy xem “Security” trang 58.

### Nhật ký cuộc gọi

---

Menu này cung cấp cho bạn danh sách các cuộc gọi nhỡ, cuộc gọi đến và cuộc gọi đi. Các cuộc gọi này bao gồm *All calls*, *Missed calls*, *Answered calls* và *Outgoing calls*, tất cả được hiển thị theo trình tự thời gian với cuộc gọi gần nhất nằm trên cùng. Chọn một cuộc gọi trong danh sách và bấm  *Options* để truy nhập vào các chức năng sau:

#### Tùy chọn

*Extract number*

*Delete*

*Call*

*Delete all*

*Text message*

*Multimedia message*

#### Phần mô tả

Trích xuất số điện thoại người gửi hoặc một số bất kỳ có trong tin nhắn.

Xóa số điện thoại từ danh sách người gọi.

Gọi đến số được bôi đậm.

Xóa tất cả các số trên các danh sách.

Gửi SMS đến người gọi.

Gửi MMS đến người gọi.

### Xóa nhật ký

---

Menu này cho phép bạn xóa nhật ký cuộc gọi: *Clear outgoing/Answered/Missed/All calls*. Bấm  *Select* để xác nhận thao tác xóa và  *Back* để hủy thao tác xóa.



## Cài đặt cuộc gọi

---

Menu này cho phép bạn định cấu hình cho cài đặt cuộc gọi:

Tùy chọn	Phần mô tả
<i>IP dialing</i>	Chọn để bật/tắt <i>IP dialing</i> .
<i>Auto answer</i>	Chọn để bật/tắt <i>Auto answer</i> .
<i>Any key answer</i>	Chọn để bật/tắt <i>Any key answer</i> .
<i>Minute reminder</i>	Chọn để kích hoạt hoặc tắt <i>Minute reminder</i> và cài <i>Start time</i> .
<i>Call services</i>	Chức năng này cho phép bạn cài đặt <i>Time &amp; cost</i> , <i>Call waiting</i> , <i>Hide ID</i> , <i>Caller ID</i> và <i>Cost setting</i> . Hãy tham khảo menu <i>Call services</i> sau.

*Call services* gồm các tùy chọn sau:

*Time & cost*: Hiển thị thời lượng và cước phí cuộc gọi của bạn: *Last call*, *Total incoming*, *Total outgoing*, *Cost left* và *All voice calls*.

*Call waiting*: Chọn để cài hoặc hủy chờ cuộc gọi hoặc *Check status*.

*Hide ID*: Ẩn ID đối với tất cả các cuộc gọi.

*Caller ID*: Chọn để hiển thị tất cả ID người gọi.

*Cost settings*: Chức năng này (tùy thuộc vào dịch vụ thuê bao) cho phép bạn quản lý cước phí của các cuộc gọi bằng cách cài *Currency* và *Personal rate*. Bạn cũng có thể chọn *Auto display* hoặc cài *Maximum cost*.

### *Call divert*

Cài đặt để chuyển các loại cuộc gọi sau: *All voice calls*, *If not answered*, *If out of reach*, *When not reply*, *If busy*, *Divert all fax calls active*, *Divert all data calls active*, *Check status* và *Cancel all*.

*Call barring* Menu này cho phép bạn giới hạn việc sử dụng điện thoại đối với các cuộc gọi cụ thể bằng cách cho phép bạn nhận hoặc cài đặt các loại cuộc gọi khác nhau. Các loại cuộc gọi mà bạn có thể chặn là những loại sau:

- *All outgoing*
- *All international*
- *Only here and home*
- *All incoming*
- *Incoming if aboard*
- *Check status*
- *Cancel all*
- *Phone lock code*

*Fixed dialling* Chọn để bật/tắt *Fix dialling*.

*Closed user group* Chọn để bật/tắt *Closed user group*, *Select group*, *Outgoing access* và *Preferred group*.

## 15. Cài đặt



Chương này mô tả các nội dung của menu Cài đặt. Tại đây bạn có thể truy nhập các tùy chọn (âm thanh, ngày giờ, bảo mật, v.v...) để định cấu hình Điện thoại di động Philips 960 phù hợp hoàn toàn với sở thích của bạn nhất.

### Cách thức để...

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Từ menu chính, chọn <i>Settings</i> .
▶ hoặc ◀	Chuyển đổi giữa bốn menu Cài đặt khác: <i>General</i> , <i>Display</i> , <i>Sounds</i> và <i>Connectivity</i> .
▲ hoặc ▼	Chuyển đến mục mong muốn dưới bốn menu.
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Chọn để xác nhận mục chọn.

## Chung

Menu này cho phép bạn định cấu hình cho một số cài đặt chung:

### Tùy chọn

### Phần mô tả

*Active slider*

Trượt điện thoại lên để trả lời các cuộc gọi đến.

*Language*

Chọn ngôn ngữ nhập văn bản và ngôn ngữ Hiển thị:

- *T9 language*: Chọn để bật/tắt *T9 preferred*, *T9 language* và *T9 Chinese*.
- *Phone language*: Chọn kiểu *Automatic*, *English*, *Traditional* và *Simplified Chinese*.

*Time & date*

Để Cài đặt *Time & date*, hãy tham khảo menu *Time & date* sau đây.

*Security*

Chọn từ *Change lock code*, *SIM lock*, *Change PIN*, *Change PIN 2* và *Phone lock*.

### *Voice control*

Bạn có thể sử dụng chức năng quản lý giọng nói để thực hiện chức năng điện thoại hoặc quay số điện thoại.

- **Voice command:** Lưu lại các tính năng điện thoại cho khẩu lệnh.
- **Voice dialling:** Lưu tên số liên lạc cho chức năng quay số thoại. Hãy tham khảo phần mô tả sau đây về “Lưu khẩu lệnh”

### *Shortcuts*

Hiển thị danh sách các chức năng phím tắt.

### *Default storage*

Xác định vị trí lưu trữ: **Phone** hoặc **Memory card**.

### *Flight mode*

Chọn để **on/off** chế độ máy bay.

### *Default settings*

Phục hồi điện thoại trở về các cài đặt mặc định.

Menu **Time & date** cung cấp các tùy chọn sau:

#### **Tùy chọn**

#### **Phần mô tả**

#### *Display time*

Chọn xem bạn muốn hiển thị đồng hồ hay không. Chuyển đổi giữa **On** hoặc **Off**.

#### *Time zone*

Sử dụng ◀ hoặc ▶ để chọn múi giờ của bạn.

#### *Set time & date*

Chỉnh ngày giờ hiện hành.

#### *Time format*

Cài đến **12 hours** hoặc **24 hours**.

#### *Date format*

Chọn **Date format**.

#### *Power-on time*

Chọn để bật hoặc tắt chức năng này.

#### *Power-off time*

Chọn để bật hoặc tắt chức năng này.

#### *Countdown*

Cài và sử dụng chức năng đếm ngược.

## Ghi khẩu lệnh

Bấm	Để
<input type="checkbox"/> <i>Select</i>	Từ menu chính, chọn <i>Settings</i> > <i>General</i> > <i>Voice Control</i> > <i>Voice command</i>
▲ hoặc ▼	Chuyển sang chức năng mong muốn.
<input type="checkbox"/> <i>Record</i> > <i>Yes</i> hoặc > <i>No</i>	Bắt đầu ghi âm (trong ba lần) Hủy bỏ ghi âm.
<input type="checkbox"/> <i>Repeat</i> hoặc	Ghi âm lại hoặc
<input type="checkbox"/> <i>Back</i>	hủy bỏ ghi âm.

## Hiển thị

Bạn có thể định cấu hình cho điện thoại với các cài đặt hiển thị khác nhau:

Tùy chọn	Phần mô tả
<i>Wallpaper</i>	Chọn để bật/tắt hiển thị hình nền.
<i>Themes</i>	Chọn các kiểu <i>Theme</i> khác nhau: <i>Simple</i> , <i>Elegant</i> và <i>Intense</i> .

*Backlight level* Chọn một mức từ *Maximum*, *High*, *Medium* và *Low*.

*Backlight duration* Chọn thời gian đèn nền từ *1 minute*, *30 seconds* và *15 seconds*.

*Activity light* Chọn để bật/tắt đèn báo hoạt động.

*Greetings* Chọn để bật/tắt lời chào và chỉnh sửa thông tin chào.

## Âm thanh

Bạn có thể cài điện thoại hoạt động với năm cấu hình âm thanh. Để biết thêm chi tiết, hãy xem “Cấu hình”.

## Kết nối

Một số cài đặt kết nối được bao gồm trong menu này. Để biết thông tin chi tiết, vui lòng tham khảo các chương liên quan ở phần trên.

# Các biểu tượng

Ở chế độ chờ, màn hình có thể hiển thị đồng thời nhiều biểu tượng.



**Silent** - Điện thoại không đổ chuông khi có cuộc gọi đến.



**Vibra** - Điện thoại rung khi có cuộc gọi đến.



**GPRS attach** - Điện thoại đang kết nối vào mạng GPRS.



**SMS message / MMS message / Voice mail** - Bạn có tin nhắn văn bản mới / Tin nhắn Đa phương tiện / Thư thoại.



**Battery** - Thanh chỉ báo mức năng lượng pin  
(3 vạch = pin đầy, 1 vạch = pin yếu).



**Alarm clock** đã được kích hoạt.



**Roaming** - Hiển thị khi điện thoại kết nối vào mạng của nhà cung cấp khác (đặc biệt khi bạn ra nước ngoài).



**SMS full** - Bộ nhớ dành cho tin nhắn đã đầy. Hãy xóa các tin nhắn cũ để có thể nhận các tin nhắn mới.



**Phone memory full** - Bộ nhớ điện thoại đã đầy. Bạn hãy xóa bớt một số mục thông tin để lưu các thông tin mới.



**SIM memory full** - Bộ nhớ SIM đầy. Xóa bớt các mục cũ để lưu mục mới.



**Call Divert Unconditional to number / Call divert to voice mailbox** - Tất cả các cuộc gọi thoại đến của bạn sẽ được chuyển sang số điện thoại / thư thoại.



**GSM Network:** điện thoại của bạn đang được kết nối vào mạng GSM  
**Reception quality** điện thoại hiển thị càng nhiều vạch, tín hiệu sóng thu càng tốt.

**Nếu biểu tượng mạng không hiển thị, bạn đang ở ngoài vùng phủ sóng. Nếu bạn đang ở vùng tín hiệu yếu: bạn hãy di chuyển sang nơi có tín hiệu tốt hơn.**

# Các khuyến cáo

## Sóng vô tuyến



Điện thoại di động là một **thiết bị thu phát sóng radio công suất thấp**. Khi hoạt động, máy sẽ phát đi và thu về các tín hiệu sóng radio. Các tín hiệu sóng radio này truyền các tín hiệu âm thanh hoặc dữ liệu của bạn đến trạm vô tuyến được kết nối vào hệ thống mạng điện thoại. Hệ thống mạng này sẽ kiểm soát công suất truyền tín hiệu của điện thoại.

- Điện thoại phát/thu sóng radio trên nhiều băng tần GSM (900 / 1800 / 1900MHz).
- Hệ thống mạng GSM này sẽ kiểm soát công suất truyền tín hiệu (từ 0,01 đến 2 watts).
- Điện thoại bạn được thiết kế để tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn an toàn liên quan.
- Ký hiệu CE trên điện thoại là dấu bảo chứng sản phẩm phù hợp các tiêu chuẩn điện từ (Ref. 89/336/EEC) và điện áp thấp (Ref. 73/23/EEC) của Châu Âu.

Bạn phải chịu trách nhiệm về điện thoại di động của mình. Để tránh gây thiệt hại cho chính mình, cho người khác, hoặc cho bản thân điện thoại, bạn cần xem kỹ và thực hiện đúng các hướng dẫn sử dụng an toàn, đồng thời bạn nên lưu ý người khác

về các thông tin này khi bạn cho họ mượn máy. Ngoài ra, để tránh việc điện thoại của bạn bị sử dụng ngoài ý muốn, bạn nên:



Giữ điện thoại ở nơi an toàn và ngoài tầm tay trẻ em.

Tránh viết mã PIN ra giấy. Thay vào đó bạn hãy cố ghi nhớ mã này.

Tắt máy và tháo pin nếu không dùng điện thoại trong một thời gian dài.

Đổi mã PIN của bạn sau khi mua điện thoại và kích hoạt các tùy chọn giới hạn cuộc gọi.



Điện thoại của bạn được thiết kế để tuân thủ luật pháp và các qui định hiện hành. Tuy nhiên, điện thoại có thể gây nhiễu sóng đối với các thiết bị điện khác. Do đó, bạn nên chấp hành tất cả **các khuyến cáo và qui định của địa phương** khi dùng máy tại nhà hoặc khi đi xa. **Các qui định về sử dụng điện thoại trên xe hơi và máy bay là các qui định đặc biệt nghiêm ngặt.**

Dư luận công chúng đã từng tập trung sự chú ý vào các mối nguy hại tiềm ẩn đối với sức khỏe người sử dụng điện thoại di động. Các nghiên cứu hiện nay về công nghệ sóng radio, bao gồm cả công nghệ GSM, đã được xem xét lại, và các tiêu chuẩn an toàn đã được xây dựng nhằm bảo đảm sự an toàn

của người sử dụng trước việc tiếp xúc năng lượng sóng radio. Điện thoại di động của bạn **được thiết kế để tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn an toàn hiện hành** và quy định Hướng dẫn an toàn cho các Thiết bị đầu cuối dùng trong lĩnh vực Viễn thông và Thiết bị dùng sóng radio 1999/5/EC.

## **Luôn tắt điện thoại của bạn**

Các thiết bị điện không chống nhiễu tốt hoặc **không đủ độ nhạy** có thể sẽ bị tác động bởi năng lượng bức xạ của sóng radio. Sự nhiễu sóng này có thể dẫn đến các tai nạn.



Trước khi lên **máy bay** và/hoặc khi xếp điện thoại vào trong hành lý của bạn: việc dùng điện thoại di động trên máy bay có thể gây nguy hiểm cho hoạt động của máy bay, làm nhiễu mạng điện thoại di động và có thể bị xem là phạm pháp.



Trong **bệnh viện**, phòng khám hay các trung tâm y tế hoặc bất kỳ nơi nào ở gần phạm vi **các thiết bị y tế**.



Ở những nơi có nguy cơ **cháy nổ** (ví dụ như tại các trạm xăng dầu và những nơi có các nhiều bụi như bột kim loại).

Trong các xe đang chở chất gây cháy (kể cả lúc xe đang dừng) hoặc các xe dùng khí hóa lỏng (LPG), trước tiên bạn nên kiểm tra xe có tuân thủ các qui định an toàn hiện hành hay không.

Ở những nơi bạn được yêu cầu tắt các thiết bị dùng sóng radio, ví dụ như hầm mỏ hoặc nơi đang tiến hành hoạt động phá nổ.



Liên hệ với các nhà sản xuất xe để đảm bảo rằng **các thiết bị điện** trên xe không bị ảnh hưởng bởi năng lượng bức xạ của sóng radio.

## **Người dùng máy trợ thính**

Nếu bạn đang sử dụng **máy trợ thính** bạn nên:

- Dùng điện thoại ở vị trí cách xa máy trợ thính ít nhất 15 cm khi điện thoại đang hoạt động để tránh các nguy cơ nhiễu sóng.
- Không mang điện thoại trong túi áo phía trên ngực.
- Nghe điện thoại bằng tai đối diện với máy trợ thính để giảm thiểu tối đa các nguy cơ nhiễu sóng.
- Tắt điện thoại nếu bạn nghi ngờ có nhiễu sóng.



## Máy trợ thính

---

Nếu bạn đang sử dụng **máy trợ thính**, bạn hãy liên hệ bác sĩ hay nhà sản xuất máy để biết máy này có dễ nhiễu sóng điện thoại hay không.

## Hoạt động tốt hơn

---

**Để nâng cao chất lượng điện thoại của bạn**, bạn hãy tìm cách giảm độ bức xạ của năng lượng sóng radio, **giảm mức tiêu thụ pin và tuân thủ theo các hướng dẫn sau đây:**



Để khả năng hoạt động của điện thoại đạt mức tối ưu và đem lại sự hài lòng cho bạn, bạn được khuyến cáo dùng máy ở những vị trí thông thường (khi không dùng ở chế độ rảnh tay hoặc với phụ kiện rảnh tay).

- Không được để điện thoại gần nơi có nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp.
- Bảo quản máy cẩn thận. Bất kỳ việc sử dụng sai mục đích nào cũng sẽ làm mất hiệu lực chế độ International Guarantee (Bảo Hành Toàn Cầu) của điện thoại.
- Không nhúng điện thoại vào bất kỳ chất lỏng nào; nếu điện thoại bị ẩm ướt, hãy tắt máy, tháo pin ra và để khô trong 24 giờ trước khi dùng lại.
- Khi lau điện thoại, bạn hãy dùng khăn mềm.

Điện thoại tiêu thụ cùng mức năng lượng pin đối với các thao tác gọi hoặc nhận cuộc gọi. Tuy nhiên, điện thoại sẽ dùng ít năng lượng hơn ở chế độ chờ và khi được giữ yên một chỗ. Trường hợp điện thoại ở chế độ chờ và bạn đang di chuyển, điện thoại sẽ tiêu thụ năng lượng để truyền đi các thông tin định vị mới về cho hệ thống mạng. Việc bạn giảm chu kỳ sáng của đèn nền và tránh các thao tác duyệt menu không cần thiết cũng sẽ giúp tiết kiệm pin và tăng thời lượng đàm thoại và thời lượng chờ của máy.

## Thông tin pin

---

- Điện thoại của bạn sử dụng nguồn điện từ pin sạc.
- Chỉ nên dùng bộ sạc được chỉ định.
- Không nên đốt pin.
- Không thay đổi hình dạng hay mở pin ra.
- Không để các vật thể kim loại (ví dụ chìa khóa trong túi bạn) làm chập mạch các điện cực của pin.
- Tránh để điện thoại trong môi trường có nhiệt độ quá cao (>60°C hay 140°F), ẩm ướt hoặc có chất ăn mòn.



Bạn chỉ nên dùng phụ kiện chính hãng của Philips, vì việc sử dụng bất kỳ phụ tùng nào khác có thể dẫn đến khả năng làm điện thoại bị hư hỏng cũng như vô hiệu hóa tất cả hình thức bảo hành Philips dành cho điện thoại của bạn.

Bạn nên nhờ chuyên viên kỹ thuật thay thế ngay các bộ phận hư hỏng và bảo đảm rằng chúng được thay thế bằng các phụ kiện thay thế chính hãng của Philips.

## **Đừng sử dụng điện thoại trong khi điều khiển xe.**

---



Trò chuyện qua điện thoại trong khi lái xe sẽ làm giảm sự tập trung của bạn, điều này có thể rất nguy hiểm. Sau đây là các hướng dẫn:

- Luôn tập trung vào việc lái xe. Tắt xe vào lề và dừng lại trước khi sử dụng điện thoại.
- Tuân thủ các quy định của các quốc gia địa phương nơi bạn chạy xe và sử dụng điện thoại GSM.
- Nếu bạn muốn sử dụng điện thoại khi đang lái xe.

- Chú ý không để điện thoại và các phụ kiện trên xe của điện thoại cản trở hoạt động của túi bảo hiểm và các thiết bị an toàn khác trên xe.

Việc sử dụng các hệ thống báo động để khởi động đèn hoặc còi xe hơi khi có cuộc gọi đến cũng bị ngăn cấm trên các tuyến đường ở một số quốc gia. Bạn hãy xem lại các qui định địa phương.

## **Quy phạm EN 60950**

---

Trong trường hợp thời tiết nóng hoặc sau khi tiếp xúc với ánh nắng mặt trời quá lâu (ví dụ như qua cửa sổ hoặc kính chắn gió), nhiệt độ vỏ điện thoại có thể tăng lên, đặc biệt khi bạn dùng vỏ giả kim loại. Trường hợp này bạn nên cẩn thận khi cầm điện thoại cũng như tránh sử dụng khi nhiệt độ môi trường tăng lên trên 40°C.

## **Bảo vệ môi trường**

---



Bạn hãy nhớ lưu tâm đến các qui định địa phương về việc vứt bỏ các vỏ bao bì, pin không còn sử dụng và điện thoại cũ, và hãy khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm tái chế.

Philips đã in trên pin và bao bì các biểu tượng với ý nghĩa khuyến khích việc sử dụng sản phẩm tái chế và việc tiêu hủy đúng phương pháp các phế phẩm.



Biểu tượng thùng rác có gạch chéo có nghĩa là bạn không thể bỏ pin như các rác thải thông thường khác.

---



Biểu tượng ba mũi tên hình khối xếp vòng theo hình tam giác hàm ý chất liệu dùng làm bao bì có thể tái chế được.

---



Biểu tượng dấu chấm màu xanh lá cây mang ý nghĩa việc đóng góp tài chính được thực hiện để ủng hộ hệ thống tái chế và khôi phục việc sử dụng bao bì được thực thi ở cấp độ quốc gia (chẳng hạn như EcoEmballage ở Pháp).

---



Vật liệu nhựa có thể tái sử dụng (cũng có thể nhận biết loại nhựa).

---

## Giải quyết sự cố

### ***Điện thoại không bật lên được***

Tháo pin ra và lắp lại. Sau đó sạc pin điện thoại cho đến khi biểu tượng pin ngừng di chuyển. Tháo bộ sạc ra khỏi điện thoại và bật máy.

### ***Màn hình sẽ hiển thị thông báo KHÓA MÁY khi bạn bật máy***

Một người nào đó đã cố mở điện thoại của bạn nhưng không biết mã PIN lẫn mã mở khóa (PUK). Vui lòng liên hệ với nhà điều hành mạng.

### ***Màn hình hiển thị lỗi IMSI***

Vấn đề này liên quan đến dịch vụ thuê bao của bạn. Hãy liên hệ với nhà điều hành mạng của bạn.

### ***Máy không thể trở về màn hình chờ***

Bấm giữ phím từ chối hoặc tắt điện thoại, kiểm tra xem thẻ SIM và pin được lắp đúng chưa, sau đó bật lại điện thoại.

### ***Biểu tượng network không hiển thị***

Bạn đang bị rớt mạng. Hoặc có thể bạn đang ở vùng chấn sóng radio (trong đường hầm hoặc giữa các tòa nhà cao tầng) hoặc đang ở ngoài vùng phủ sóng của mạng. Bạn hãy thử di chuyển sang nơi khác, và cố gắng kết nối lại vào mạng (đặc biệt khi bạn đang ở nước ngoài) hoặc liên hệ với nhà

điều hành mạng để được trợ giúp/để biết thêm thông tin về mạng.

### ***Màn hình không phản ứng (hoặc hiển thị chậm) khi bạn bấm phím***

Màn hình phản ứng chậm hơn khi điện thoại ở nhiệt độ quá thấp. Hiện tượng này hoàn toàn bình thường và không ảnh hưởng đến hoạt động của điện thoại. Bạn hãy sưởi ấm điện thoại và thử lại. Các trường hợp khác xin liên hệ nhà cung cấp điện thoại.

### ***Pin của bạn có vẻ quá nóng***

Có thể bạn đang sử dụng bộ sạc không thích hợp cho điện thoại. Phải chắc chắn rằng bạn luôn sử dụng thiết bị chính hãng Philips được gửi kèm theo điện thoại.

### ***Điện thoại không hiển thị số gọi đến***

Tính năng này tùy thuộc vào mạng và đăng ký thuê bao của bạn. Nếu hệ thống không gửi số điện thoại người gọi đến, máy sẽ hiển thị thông báo **Call 1** hoặc **Withheld**. Liên hệ nhà điều hành mạng để biết thêm thông tin chi tiết về vấn đề này.

### ***Không thể gửi tin nhắn***

Một số mạng không cho phép việc trao đổi tin nhắn với các mạng khác. Trước tiên bạn hãy kiểm tra xem bạn đã nhập số trung tâm SMS chưa, hoặc

liên hệ nhà điều hành mạng để biết thêm thông tin chi tiết về vấn đề này.

### ***Không thể nhận về và/hoặc lưu các ảnh JPEG***

Điện thoại có thể không cho phép việc lưu ảnh nếu chúng có kích thước quá lớn, tên tập tin quá dài, hoặc dạng ảnh không phù hợp.

### ***Bạn cảm thấy không nhận được một số cuộc gọi***

Kiểm tra các tùy chọn chuyển cuộc gọi.

### ***Khi pin đang sạc, biểu tượng pin không hiển thị vạch và màn hình nhấp nháy***

Bạn chỉ nên sạc pin trong môi trường có nhiệt độ tối thiểu 0°C (32°F) hoặc tối đa 50°C (113°F).

Các trường hợp khác xin liên hệ nhà cung cấp điện thoại.

### ***Màn hình hiển thị lỗi SIM***

Kiểm tra xem thẻ SIM đã được lắp đúng vị trí chưa. Nếu vẫn không khắc phục được, có thể thẻ SIM của bạn đã bị hư. Xin liên hệ với nhà điều hành mạng.

### ***Khi bạn cố sử dụng một chức năng trong menu này, điện thoại sẽ hiển thị thông báo KHÔNG CHO PHÉP***

Một số tính năng hoạt động tùy thuộc vào mạng. Do đó, chúng chỉ có hiệu lực nếu mạng hoặc đăng

ký thuê bao của bạn cho phép. Liên hệ nhà điều hành mạng để biết thêm thông tin chi tiết về vấn đề này.

### ***Màn hình hiển thị thông báo LẮP THẺ SIM***

Kiểm tra xem thẻ SIM đã được lắp đúng vị trí chưa. Nếu vẫn không khắc phục được, có lẽ thẻ SIM của bạn đã bị hư. Xin liên hệ với nhà điều hành mạng.

### ***Hiệu năng của các tính năng điện thoại dường như thấp hơn những mô tả trong hướng dẫn sử dụng***

Hiệu năng của các tính năng liên quan đến cấu hình (ví dụ như âm lượng chuông, thời lượng bật đèn nền) và các tính năng bạn dùng cho các ứng dụng. Để có thể tăng hiệu năng của các tính năng này vào bất kỳ lúc nào, bạn nên tắt các tính năng không sử dụng đến.

### ***Điện thoại không hoạt động được trong xe hơi***

Xe hơi có rất nhiều thành phần kim loại có thể hấp thụ sóng điện từ và do đó ảnh hưởng đến hoạt động của điện thoại. Bộ phụ kiện dùng trong xe hơi hiện có cung cấp cho bạn một ăng-ten gắn ngoài và cho phép gọi và trả lời mà không cần cầm điện thoại.

---

*Bạn nên liên hệ chính quyền địa phương để biết xem bạn có được phép sử dụng điện thoại khi lái xe hay không.*

---

### **Điện thoại không thể sạc pin**

Khi pin điện thoại đã hết hoàn toàn, thời gian khởi động trước khi sạc có thể kéo dài nhiều phút (đôi khi mất khoảng 5 phút) trước khi biểu tượng sạc pin xuất hiện lại trên màn hình.

## Phụ kiện chính hãng Philips

Một số thiết bị, chẳng hạn như pin chuẩn và bộ sạc được kèm theo điện thoại của bạn như là trọn bộ hàng. Các thiết bị bổ sung cũng có thể được cung cấp hoặc bán riêng. Vì vậy nội dung của kiện hàng có thể thay đổi.

*Để phát huy tối đa khả năng hoạt động của điện thoại Philips và tránh bị mất quyền được bảo hành, bạn chỉ nên sử dụng Phụ kiện Chính hãng Philips được đặc biệt thiết kế để sử dụng cho điện thoại của bạn. Philips Consumer Electronics sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại nào gây ra do việc sử dụng phụ kiện không được công ty phê duyệt.*

### Bộ sạc pin

Sạc pin bằng cách cắm bộ sạc vào bất kỳ ổ cắm AC nào. Kích thước nhỏ, có thể bỏ gọn gàng trong cặp/túi xách.

### Bộ phụ kiện kết nối dữ liệu

Giúp điện thoại Philips của bạn kết nối dữ liệu nhanh chóng. Cáp USB cho phép bạn truy nhập nhanh từ điện thoại đến máy vi tính. Phần mềm được cung cấp cho phép bạn tải về các hình ảnh và giai điệu cũng như giúp bạn đồng bộ hóa các số liên lạc và các cuộc hẹn.

# Công bố thương hiệu



JAVA là nhãn hiệu của Sun Microsystems, Inc.



Tegic Euro. Pat.  
App. 0842463

T9® là nhãn hiệu của Tegic Communications Inc.



Bluetooth™ là một nhãn hiệu được sở hữu bởi telefonaktiebolaget L M Ericsson, Thụy điển và đã được cấp phép cho Philips.



# Chế độ bảo hành có thời hạn

1. Chế độ Bảo hành Có thời hạn này bao gồm những gì?

Philips cam đoan với chính người mua sản phẩm bán lẻ của chính hãng (“Khách hàng” hoặc “Bạn”) rằng sản phẩm điện thoại di động Philips này và các phụ kiện do chính hãng Philips cung cấp kèm theo gói sản phẩm (“Sản phẩm”) hoàn toàn không có các khiếm khuyết nào, về mặt vật liệu cũng như về vấn đề thiết kế và lắp ráp, khi được sử dụng trong điều kiện bình thường theo các hướng dẫn vận hành và tuân thủ các quy định và điều khoản sau đây. Chế độ bảo hành có thời hạn này chỉ được áp dụng đối với Khách hàng ở các quốc gia nơi họ mua và sử dụng Sản phẩm. Chế độ bảo hành có thời hạn này chỉ có hiệu lực tại quốc gia có đại lý ủy quyền của Philips.

2. Chế độ Bảo hành Có thời hạn này có Hiệu lực trong Thời gian bao lâu?

Thời hạn hiệu lực của Chế độ bảo hành có thời hạn này là **MỘT (1) NĂM** tính từ ngày mua Sản phẩm được ghi lại trên các giấy tờ khi mua hàng. Chế độ bảo hành có thời hạn đối với pin sạc chính hãng Philips kéo dài sáu (6) tháng tính từ ngày mua pin.

3. Philips Xử lý thế nào nếu Sản Phẩm có Khiếm khuyết về mặt Vật liệu và Lắp ráp trong Thời hạn hiệu lực của Chế độ Bảo hành Có thời hạn?

Trong suốt thời gian hiệu lực của Chế độ bảo hành có thời hạn, Philips hoặc các đại lý ủy quyền sẽ sửa chữa hoặc thay thế các bộ phận hoặc Sản phẩm bị lỗi bằng các bộ phận hoặc Sản phẩm được sửa chữa hoặc các bộ phận hoặc Sản phẩm mới, tùy theo quyết định của hãng hoặc đại lý, và sẽ không tính phí đối với các bộ phận hoặc phí dịch vụ. Sản phẩm được sửa chữa hoặc thay thế sẽ được trao lại cho Khách hàng trong tình trạng hoạt động tốt. Philips sẽ giữ lại các bộ phận, mô-đun hoặc thiết bị lỗi.

Thời hạn bảo hành cho Sản phẩm được sửa chữa hoặc thay thế sẽ bao gồm trong thời hạn hiệu lực của chế độ bảo hành có thời hạn ban đầu hoặc chín

mười (90) ngày tính từ ngày sửa chữa hoặc thay thế, tùy theo thời hạn nào dài hơn. Việc sửa chữa hoặc thay thế Sản Phẩm theo quyết định của Philips là giải pháp duy nhất dành cho bạn.

4. Chế độ Bảo hành Có thời hạn này không áp dụng với những trường hợp nào?

Chế độ bảo hành có thời hạn này không áp dụng đối với những trường hợp sau:

- a) Sản phẩm không được dùng đúng cách, hoặc bị hư hỏng do tai nạn, do quá trình vận chuyển hoặc các hư hỏng vật lý khác, hoặc được cài đặt không đúng cách, hoặc bị hư hỏng do các thao tác sử dụng khác thường, do bất cẩn, bị ngập lụt, hỏa hoạn, ngâm nước hoặc các chất lỏng khác; hoặc
- b) Sản phẩm bị hỏng do việc sửa chữa, thay đổi, hoặc điều chỉnh bởi bất kỳ cá nhân không được Philips ủy quyền nào; hoặc
- c) Sản phẩm gặp vấn đề về khả năng hoạt động hoặc thu sóng do điều kiện thu nhận tín hiệu, chất lượng của mạng, hoặc cáp hoặc hệ thống ăng ten gây ra; hoặc

d) Các lỗi hoặc sự cố do việc sử dụng sản phẩm hoặc phụ kiện không phải của chính hãng Philips; hoặc

e) Sản phẩm có tem bảo hành/kiểm tra chất lượng, số seri hoặc số seri điện tử của sản phẩm bị mất, sửa, hoặc khó đọc do bị chỉnh sửa; hoặc

f) Sản phẩm được mua, sử dụng, bảo dưỡng, hoặc gửi sửa chữa bên ngoài quốc gia bạn mua sản phẩm, hoặc được dùng cho các mục đích thương mại hoặc nghiên cứu (bao gồm các Sản phẩm dùng để cho thuê hoặc các trường hợp khác); hoặc

- g) Sản phẩm bị trả lại do không có hóa đơn hợp lệ chứng nhận việc mua sản phẩm hoặc có nhưng bị chỉnh sửa hoặc không thể đọc được.
- h) Tình trạng xuống cấp và hư cũ không tránh khỏi trong quá trình sử dụng.

5. Làm thế nào Bạn có thể dùng Dịch Vụ Bảo hành?

a) Đưa trả Sản phẩm đến trung tâm dịch vụ được ủy quyền của Philips. Bạn có thể liên hệ với văn phòng của Philips tại địa

phương để biết các trung tâm dịch vụ được ủy quyền gần nhất.

- b) Bạn phải tháo thẻ SIM khỏi Sản phẩm trước khi giao cho Philips. Philips không chịu trách nhiệm cho các trường hợp hư hỏng hoặc thất lạc thẻ SIM hoặc nội dung của thẻ.
  - c) Nếu các hư hỏng của Sản phẩm không nằm trong phạm vi bảo hành của chế độ bảo hành có thời hạn này, hoặc chế độ bảo hành có thời hạn này không có hiệu lực, hết hạn hoặc bị vô hiệu hóa bởi bất kỳ các điều khoản hoặc qui định ở đây, Khách hàng sẽ phải thanh toán các chi phí sửa chữa hoặc thay thế cho Sản phẩm cũng như các chi phí phát sinh có liên quan khác trong quá trình thay thế và sửa chữa Sản Phẩm.
  - d) LƯU Ý - khi đến bảo hành, bạn được yêu cầu xuất trình hóa đơn hợp lệ chứng nhận việc mua sản phẩm có nêu rõ nơi mua, ngày mua, kiểu máy của Sản phẩm và số seri Sản phẩm.
6. Ràng buộc khác: Qui định Bảo hành này là Hợp đồng Bảo hành Toàn phần.

NGOẠI TRỪ CÁC QUI ĐỊNH BẢO HÀNH ĐÃ NÊU Ở TRÊN VÀ CÁC QUI ĐỊNH BẢO HÀNH MẶC NHIÊN THEO PHÁP LUẬT VÀ CÁC TRƯỜNG HỢP THUỘC PHẠM VI ÁP DỤNG HOẶC SỬA ĐỔI CỦA HỢP ĐỒNG, PHILIPS KHÔNG CUNG CẤP CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH, MỘT CÁCH RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, ĐỐI VỚI TRƯỜNG HỢP KHÁC (ĐƯỢC QUI ĐỊNH BỞI QUY CHẾ HIỆN HÀNH, CÁC VĂN BẢN DƯỚI LUẬT HOẶC CÁC QUI ĐỊNH KHÁC) VÀ ĐẶC BIỆT TỪ CHỐI CUNG CẤP CHẾ ĐỘ BẢO HÀNH ĐỐI VỚI CÁC YÊU CẦU NHẸM NANG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CHO MỤC ĐÍCH CÁ NHÂN HOẶC KINH DOANH HOẶC CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ NÀO KHÁC.

TỔNG CHI PHÍ BỒI THƯỜNG CỦA PHILIPS LIÊN QUAN ĐẾN HOẶC PHÁT SINH TỪ VIỆC MUA HOẶC SỬ DỤNG SẢN PHẨM, KHÔNG TÍNH ĐẾN LÝ DO HOẶC HÌNH THỨC BỒI THƯỜNG HOẶC HÌNH THỨC HOẶC NỘI DUNG CÁC YÊU CẦU KHIẾU NẠI ĐƯỢC CÔNG NHẬN (VÍ DỤ NHƯ HỢP ĐỒNG HOẶC TOPIT), KHÔNG VƯỢT QUÁ GIÁ CỦA SẢN PHẨM BAN ĐẦU.

TUY NHIÊN, TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, PHILIPS SẼ KHÔNG CHIU TRÁCH NHIỆM, TRONG PHẠM VI GIỚI HẠN CỦA LUẬT PHÁP, VỀ BẤT KỲ TỔN THẤT MANG TÍNH HỆ QUẢ, GIÁN TIẾP, NGẪU NHIÊN, ĐẶC BIỆT HOẶC NGHIÊM TRỌNG NÀO (BAO GỒM VIỆC KHÔNG SỬ DỤNG ĐƯỢC, SỰ MẤT THỜI GIAN, SỰ BẤT TIỆN, CÁC THIẾT HẠI TRONG KINH DOANH, VIỆC THUA LỖ, VIỆC MẤT CƠ HỘI KINH DOANH, VIỆC CHI PHÍ CHO CÁC SẢN PHẨM HOẶC DỊCH VỤ THAY THẾ, VIỆC ĐẦU TƯ THUA LỖ, SỰ TỔN HẠI VỀ UY TÍN HOẶC TÌNH CẢM, HOẶC VIỆC MẤT MẤT DỮ LIỆU VÀ THÔNG TIN CỦA CÁC BÊN THỨ BA) NÀO BẮT NGUỒN TỪ VIỆC MUA HOẶC SỬ DỤNG SẢN PHẨM, CHO DÙ PHILIPS ĐÃ ĐƯỢC HOẶC KHÔNG ĐƯỢC THÔNG BÁO TRƯỚC VỀ KHẢ NĂNG XẢY RA CÁC THIẾT HẠI NÀY. TUY NHIÊN, CÁC ĐIỀU KHOẢN GIỚI HẠN NÀY CHỈ ĐƯỢC ÁP DỤNG KHI MỤC ĐÍCH CHÍNH CỦA CÁC GIẢI PHÁP HỮU HẠN ĐỀ RA KHÔNG ĐẠT ĐƯỢC.

Chế độ bảo hành có thời hạn này là một phần của hợp đồng bảo hành toàn phần và duy nhất giữa Khách hàng và Philips đối với Sản phẩm điện thoại di động và chế độ bảo hành này sẽ vô hiệu hóa mọi thỏa thuận trước đó giữa các bên, dưới dạng hợp đồng miệng hoặc văn bản, và mọi giao tiếp giữa các bên liên quan đối với đối tượng của bản hành giới hạn này. Và theo đó, không nhà vận chuyển, người bán lẻ, đại lý, nhân viên, nhân viên đại diện và nhân viên Philips nào được ủy quyền để thay đổi nội dung chế độ bảo hành có thời hạn này, và bạn không nên dựa vào các hoạt động sửa đổi này.

Chế độ bảo hành có thời hạn này không ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của Khách hàng theo qui định của luật pháp quốc gia hiện hành.